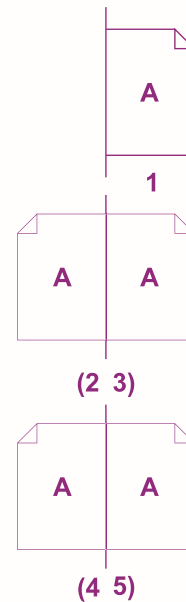




Giáo trình dẫn trang  
Adobe InDesign CS3 trường Đại Học Mỹ  
Thuật TP. Hồ Chí Minh - Giáo trình dẫn  
trang Adobe InDesign CS3 trường Đại  
Học Mỹ Thuật TP. Hồ Chí Minh - Giáo  
trình dẫn trang Adobe InDesign CS3  
trường Đại Học Mỹ Thuật TP. Hồ Chí  
Minh - Giáo trình dẫn trang Adobe  
InDesign CS3 trường Đại Học Mỹ Thuật  
TP. Hồ Chí Minh - Giáo trình dẫn trang  
Adobe InDesign CS3 trường Đại Học Mỹ  
Thuật TP. Hồ Chí Minh - Giáo trình dẫn  
trang Adobe InDesign CS3 trường Đại  
Học Mỹ Thuật TP. Hồ Chí Minh - Giáo  
trình dẫn trang Adobe InDesign CS3  
trường Đại Học Mỹ Thuật TP. Hồ Chí  
Minh - Giáo trình dẫn trang Adobe  
InDesign CS3 trường Đại Học Mỹ Thuật  
TP. Hồ Chí Minh - Giáo trình dẫn trang  
Adobe InDesign CS3 trường

Đại Học Mỹ Thuật TP. Hồ Chí Minh - Giáo  
trình dẫn trang Adobe InDesign CS3  
trường Đại Học Mỹ Thuật TP. Hồ Chí  
Minh - Giáo trình dẫn trang Adobe  
InDesign CS3 trường Đại Học Mỹ Thuật  
TP. Hồ Chí Minh - Giáo trình dẫn trang  
Adobe InDesign CS3 trường Đại  
Học Mỹ Thuật TP. Hồ Chí Minh -  
Giáo trình dẫn trang Adobe  
InDesign CS3 trường  
Đại Học Mỹ Thuật  
TP. Hồ Chí Minh



Adobe  
Certified Expert   
Adobe

GIÁO TRÌNH  
**Adobe InDesign CS3**  
TÀI LIỆU LƯU HÀNH NỘI BỘ

# Giới thiệu

Mặc dù mới xuất hiện trong vài năm gần đây nhưng Adobe Indesign đã thực sự thu hút phần lớn những nhà thiết kế trong lĩnh vực Layout bởi tính thân thiện, dễ sử dụng và khả năng mở rộng của các công cụ. Adobe Indesign kế thừa các đặc tính công cụ và phương pháp kết hợp hình học (Pathfinder)... của Adobe Illustrator. Nếu như ở QuarkXpress các công cụ có chức năng độc lập như công cụ nhập văn bản chỉ nhập được duy nhất văn bản hay công cụ nhập hình ảnh chỉ nhập được duy nhất hình ảnh thì ở Indesign tính chất này được mở rộng hơn và thoáng hơn, chúng ta có thể nhập các định dạng khác như nhập một file đã được layout bên Microsoft Word, hay một file PDF nhiều trang vào Indesign... Ngoài ra Indesign còn có nhiều cái mới được tích hợp qua các Scripts được lập trình sẵn, với các Scrip này chúng ta có thể dễ dàng tạo Album ảnh từ một Folder hình, hoặc tạo soạn lịch tự động ngay trong InDesign. Điểm nổi bật của Adobe InDesign chính là tính đa dạng, tiện dụng, và cách trình bày menu, palette, Control, Command Bar một cách khoa học giúp cho việc truy cập và dàn trang một cách thuận tiện và nhanh chóng. Mặc khác Indesign có thể đóng gói, xuất file sang các định dạng khác như PDF...mà không cần đến máy in.

Tài liệu Indesign này được soạn trên cơ sở các học viên đã học qua Adobe Illustrator, cho nên các thao tác vẽ và các phương pháp kết hợp hình học mà chúng ta đã học bên Adobe Illustrator sẽ không được nhắc lại trong Adobe Indesign CS3, và trong tài liệu này cũng sẽ không đề cập đến các lệnh này vì phần vẽ và kết hợp hình học của Adobe InDesign CS3 cũng giống y như bên chương trình Illustrator.

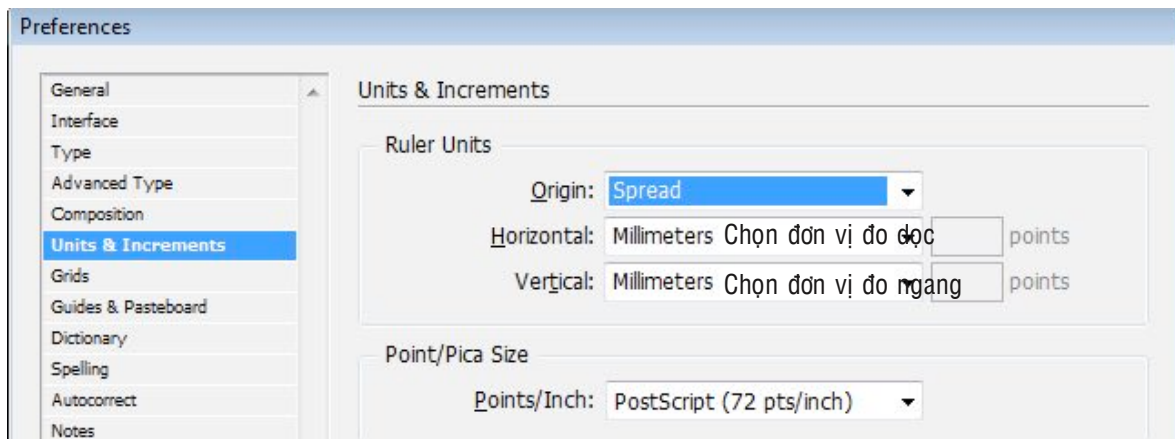
Tài liệu này nhằm trang bị cho các học viên những kiến thức về InDesign, nó không phải là tài liệu tự học ở nhà, cho nên để học tốt môn này học viên cần đến lớp và tham gia đầy đủ các buổi học cũng như thực hiện các bài thực hành mà giáo viên hướng dẫn

# THIẾT LẬP CÁC GIÁ TRỊ MẶC ĐỊNH

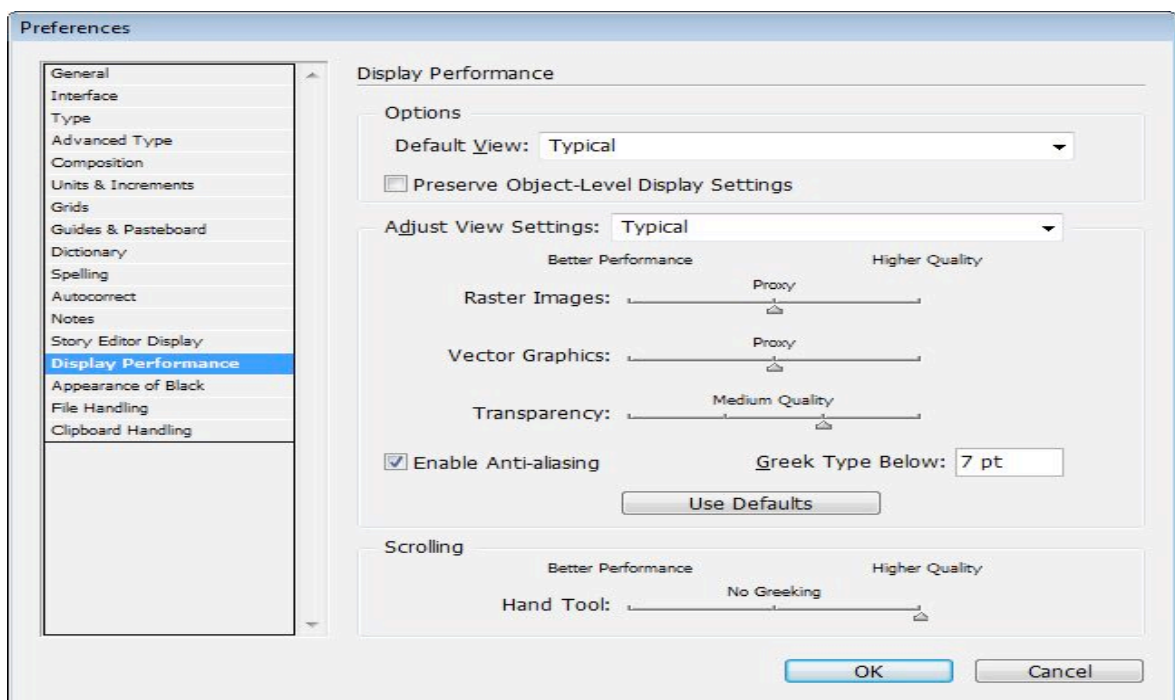
## Thiết lập đơn vị đo

Mặc định InDesign sử dụng đơn vị đo là Inch muốn thay đổi đơn vị đo ta vào Menu Edit chọn Preferences

### 1- Units & Increments

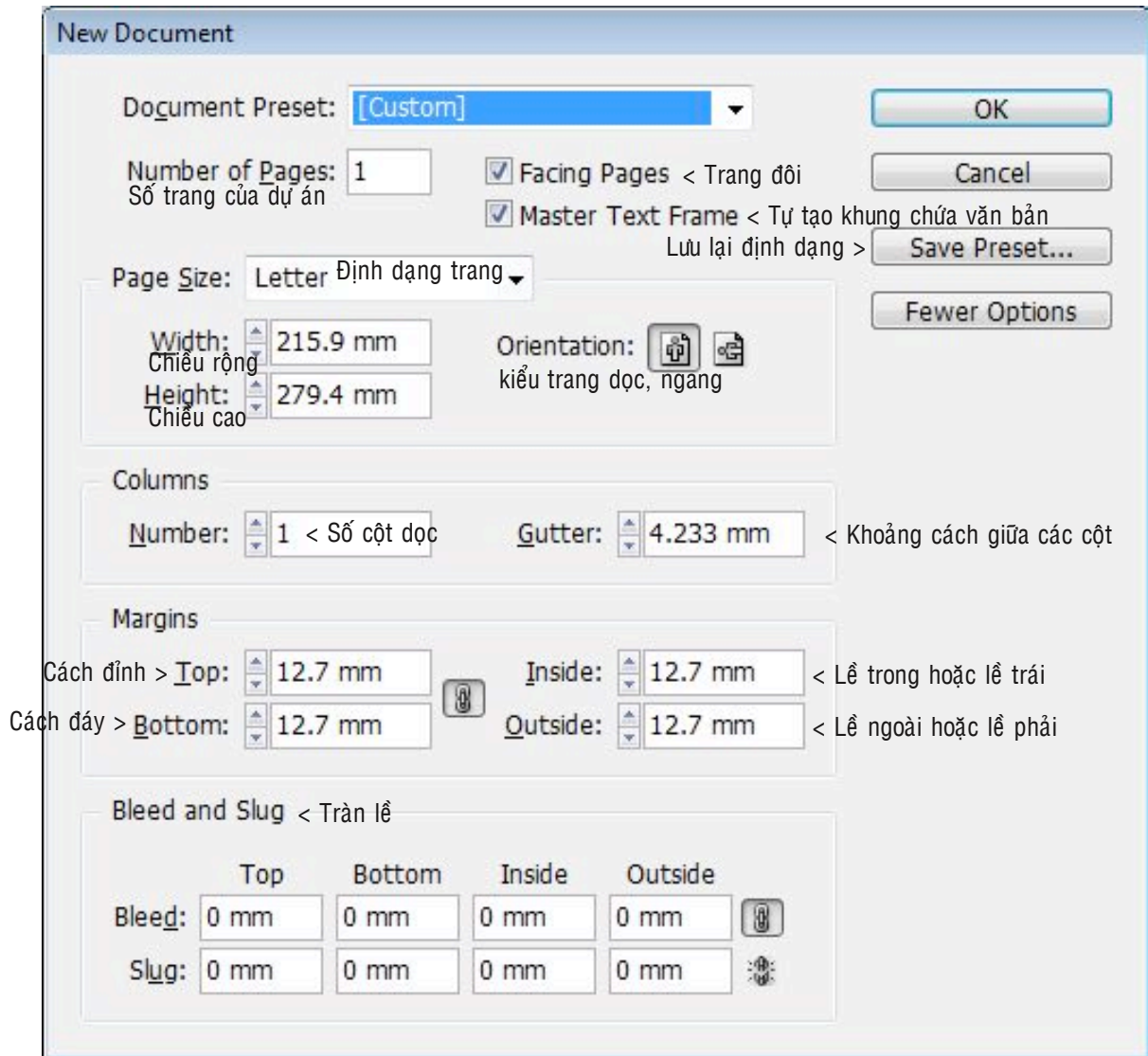


### II - Display Performance



# TẠO TÀI LIỆU MỚI (DỰ ÁN MỚI)

## 1- File/ Document... (Ctrl +N) Thiết lập dự án mới



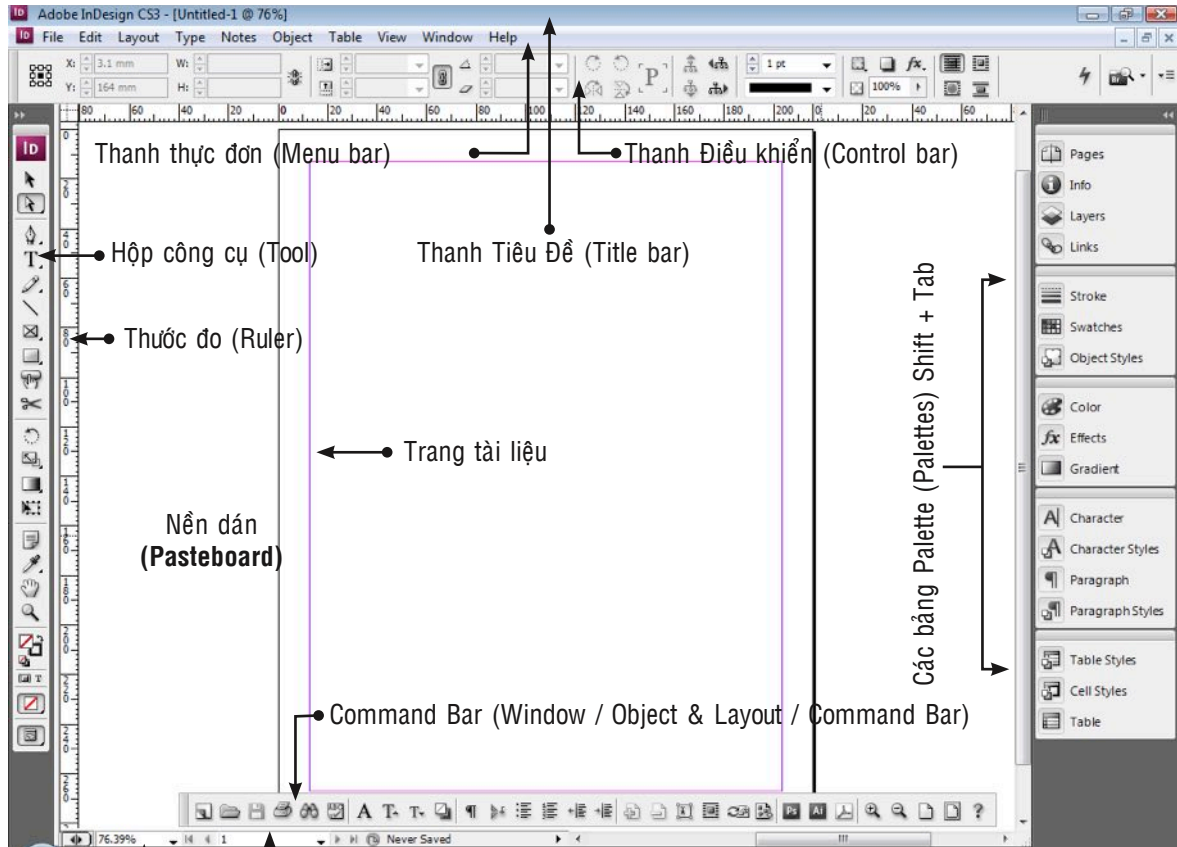
### Chú ý:

Nếu làm việc với tài liệu nhiều trang và nhập văn bản từ một file văn bản được tạo ra từ Microsoft Word ta nên chọn Master Text Frame để Adobe InDesign tự tạo khung chứa văn bản, nếu không ta phải tự tạo các khung chứa văn bản và phải liên kết các khung chứa văn bản đơn lại với nhau. Khi làm việc layout cho báo chí hoặc Catalogue chúng ta phải chọn tùy chọn Facing Pages để Adobe InDesign thiết lập dạng trang đôi.

Nếu như chúng ta thường xuyên Layout các tạp chí hay Catalogue có kích thước cố định khác nhau chúng ta nên chọn Save Preset để lưu lại các thiết lập mẫu cho các tạp chí hay Catalogue.

## II- Giao Diện InDesign

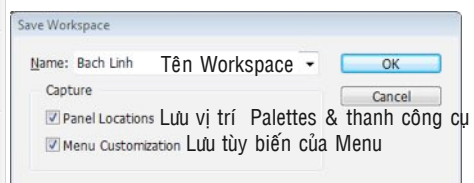
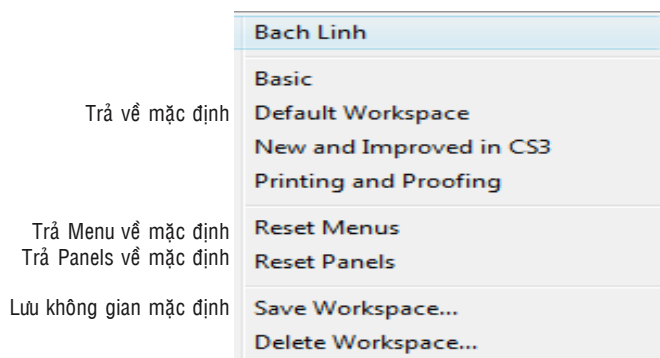
### 1/ Vùng làm việc (Working Area)



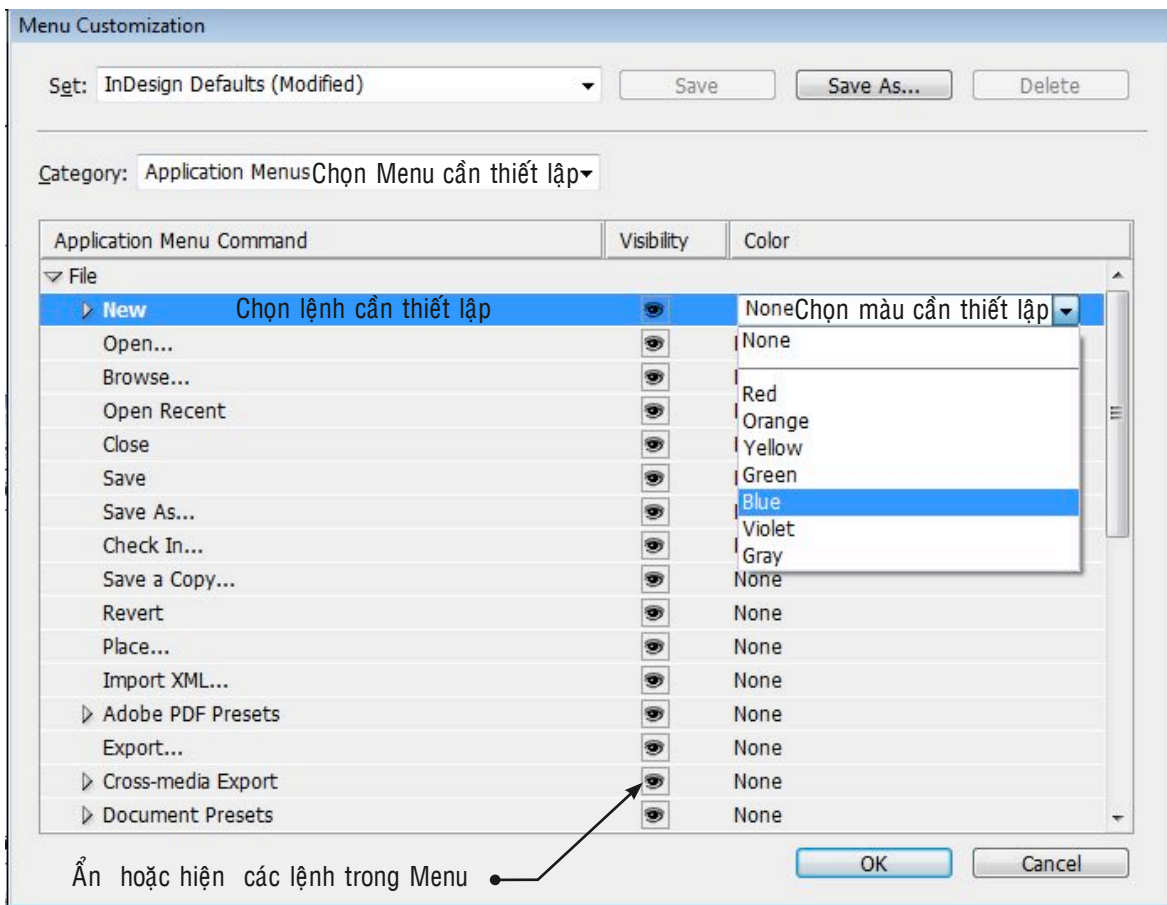
Các chế độ hiển thị Trang đang chọn

Giao diện trên là giao diện mặc định của Adobe InDesign, chúng ta có thể sắp xếp lại vị trí của các bảng như Palettes, thanh Menu, bảng màu bằng cách kéo chuột dời đến vị trí mới...và bất cứ khi nào chúng ta muốn, chúng ta có thể trở về các thiết lập mặc định của Adobe InDesign bằng cách vào Window **Workspace / Default Workspace**, hoặc chỉ thiết lập mặc định cho Menu hoặc Panel bằng cách chọn **Reset Menu** hoặc **Reset Panel**

Chúng ta cũng có thể lưu lại giao diện mà mình thiết lập thành một giao diện mẫu bằng cách vào **Window / Workspace / Save Workspace**



Nếu muốn thiết lập lại các tùy chọn Menu như tô màu cho các lệnh thường dùng ta vào **Menu Edit** chọn **Menu**



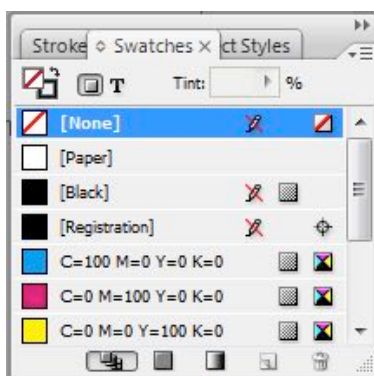
Nếu muốn ẩn lệnh nào đó trong Menu ta có thể Click chuột vào biểu tượng con mắt trong mục Visibility

### III- Thanh Công Cụ & Palettes

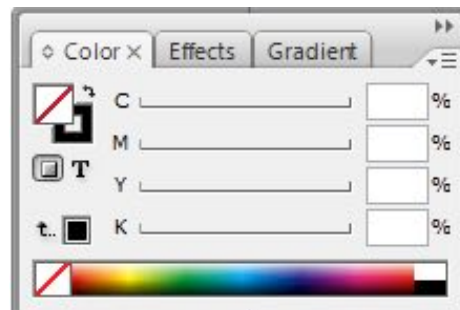
Nếu muốn ẩn hoặc hiện các bảng Palettes ta vào Window và chọn các Palettes tương ứng hoặc nhấn phím **Shift + Tab**, muốn ẩn / hiện cả Palettes và hộp công cụ ta nhấn tổ hợp phím **Tab**



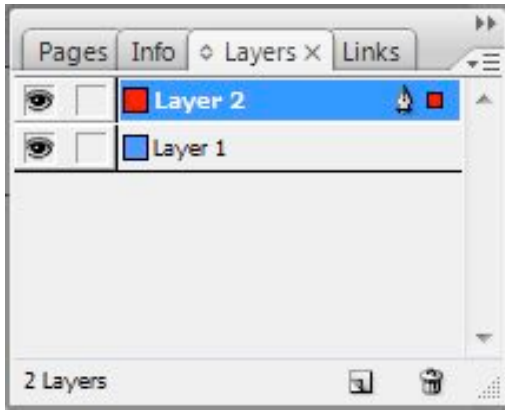
Ẩn / hiện hộp công cụ Tool ta nhấn phím Tab



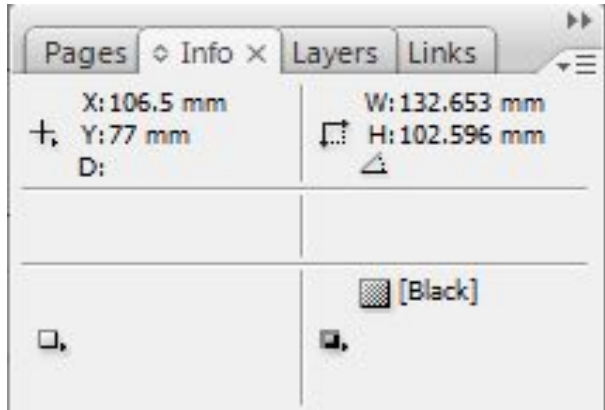
Ẩn / Hiện Swatches Palette F5



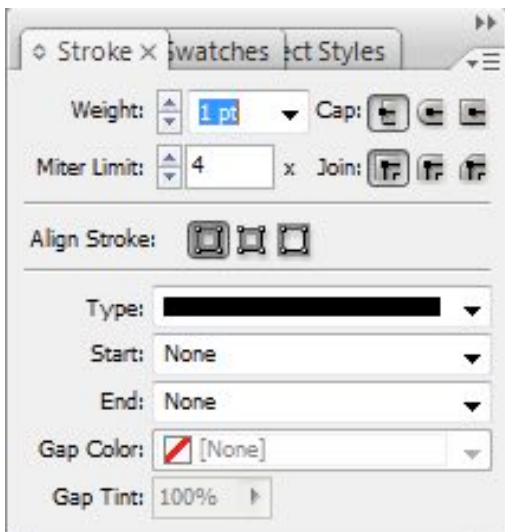
Ẩn / Hiện Color Palette F6



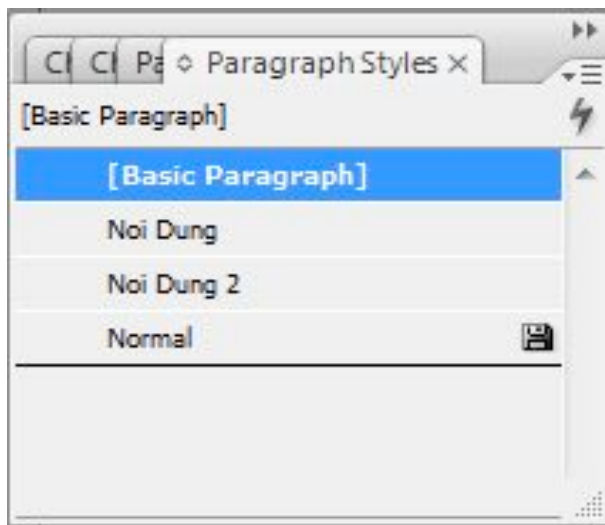
Ẩn / Hiện Layer Palette **F7**



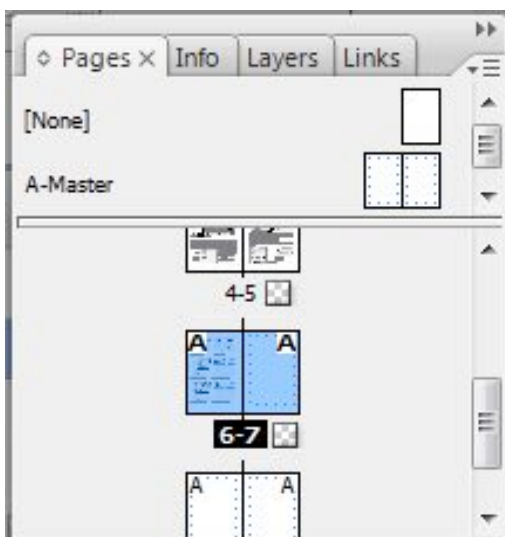
Ẩn / Hiện Info Palette **F8**



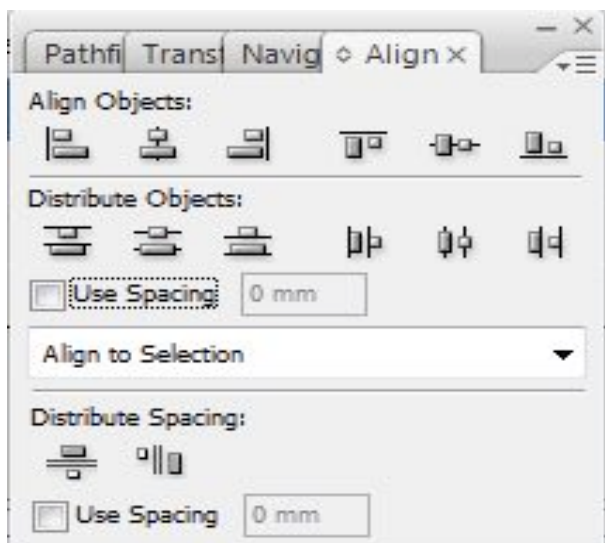
Ẩn / Hiện Stroke Palette **F10**



Ẩn / Hiện Paragraph Styles Palette **F11**



Ẩn / Hiện Pages Palette **F12**



Ẩn / Hiện Align Palette **Shift + F7**

## IV- Các chế độ hiển thị

### 1- Chế độ hiển thị Normal & Preview

Để chọn chế độ hiển thị ta vào **Menu View** chọn **Screen Mode** hoặc ta nhấn phím tắt là **W**.

#### Normal Mode:

Chế độ Normal Mode hiển thị trang ở chế độ cửa sổ chuẩn bao gồm nền Pasteboard, và các đối tượng không in (Non-Printing Objects) và thể hiện tất cả các yếu tố như đường giống (Guides), đường lưới (Grid)...

#### Preview Mode:

Chế độ Preview Mode hiển thị trang với tất cả những gì được in ra, bất kỳ đối tượng nào không hiển thị trong chế độ Preview Mode sẽ không được in ra bao gồm màu nền của Pasteboard, các đối tượng trong vùng tạm đặt bên ngoài trang vẽ

#### Bleed Mode:

Chế độ Bleed Mode giống như chế độ Preview Mode nhưng hiển thị thêm vùng tràn lề (Bleed) mà ta thiết lập ở mục Bleed & Slug khi thiết lập dự án mới. Đối với những Layout có nền màu, có nền là một hình hoặc khi Layout ta đặt đối tượng sát lề ngoài cùng của trang thì ta phải thiết lập tràn lề ra bên ngoài, vì khi in ấn và cắt thành phẩm thì sai số khi cắt là +2mm hoặc -2mm. Cho nên khi thiết lập tràn lề ta phải thiết lập tràn lề tối thiểu +2mm cho các lề trên dưới, trong, ngoài hoặc phải trái cho dự án Layout của mình.



#### Slug Mode:

Chế độ Bleed Mode giống như chế độ Preview Mode nhưng hiển thị thêm vùng (Slug) mà ta thiết lập ở mục Bleed & Slug khi thiết lập dự án mới. Phần Slug nhằm mở rộng trang layout để ta có thể đặt Point chống màu (Registration Marks), Bon cắt (Crop Mask), thang màu (Color bar)...mà không ảnh hưởng đến kích thước của dự án dàn trang.



## 2- Chế độ hiển thị hình ảnh trên trang tài liệu

Khi làm việc với Layout có quá nhiều hình ảnh thì tốc độ hiển thị và làm việc của máy tính sẽ chậm đi, hình ảnh hiển thị này không ảnh hưởng đến chất lượng hình ảnh mà ta in vì khi in InDesign sẽ lấy ảnh gốc để in, cho nên để tăng tốc độ xử lý và hiển thị hình ảnh ta có thể vào **Menu View** chọn **Display Performance** và chọn chế độ hiển thị tương ứng.

	Fast Display	Alt+ Shift+ Ctrl+Z
✓	Typical Display	Alt+ Ctrl+Z
	High Quality Display	Alt+ Ctrl+H

InDesign có ba cách hiển thị chủ yếu

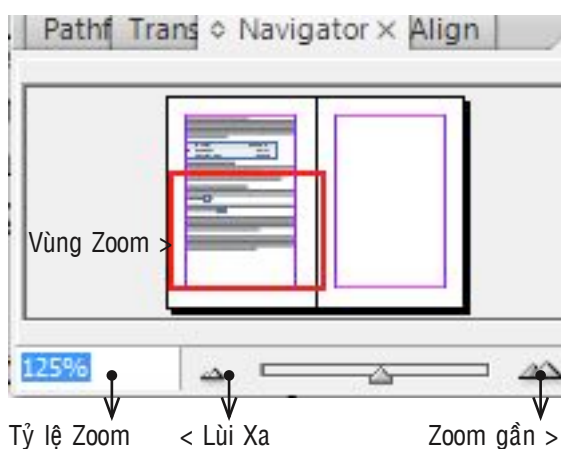
- Chế độ **Fast Display (Ctrl + Alt + shift + Z)** hiển thị hình ảnh và các file đồ họa dưới dạng các khung chứa chứ không hiển thị hình ảnh.
- Chế độ **Typical Display (Ctrl + Alt + Z)** Hiển thị hình ảnh ở chất lượng thấp
- Chế độ **High Quality Display (Alt + Ctrl+H)** hiển thị ở chế độ cao nhất

## 3- Chế độ hiển thị xa, gần & Toàn trang

- Hiển thị toàn trang đơn hoặc đôi chọn **Menu View > Fit Page in Window ( Ctrl I + 0 )** hoặc **Fit Spread in Window (Ctrl + Alt + 0)**. Hoặc có thể bấm đúp chuột vào công cụ Hand 

- Muốn hiển thị 100% ta chọn **Menu View > Actual Size ( Ctrl + 1 )** hoặc bấm đúp chuột vào công cụ Zoom 

- Adobe InDesign có thể Zoom hình từ **5%** đến **4000%**, tỷ lệ Zoom được hiển thị ở góc trái phía dưới của màn hình. Muốn Zoom gần ta có thể Click chuột vào biểu tượng hình tam giác dưới góc trái màn hình và chọn tỷ lệ Zoom xa gần tương ứng, hoặc ta có thể kéo thanh trượt trên bảng Navigator Bar.

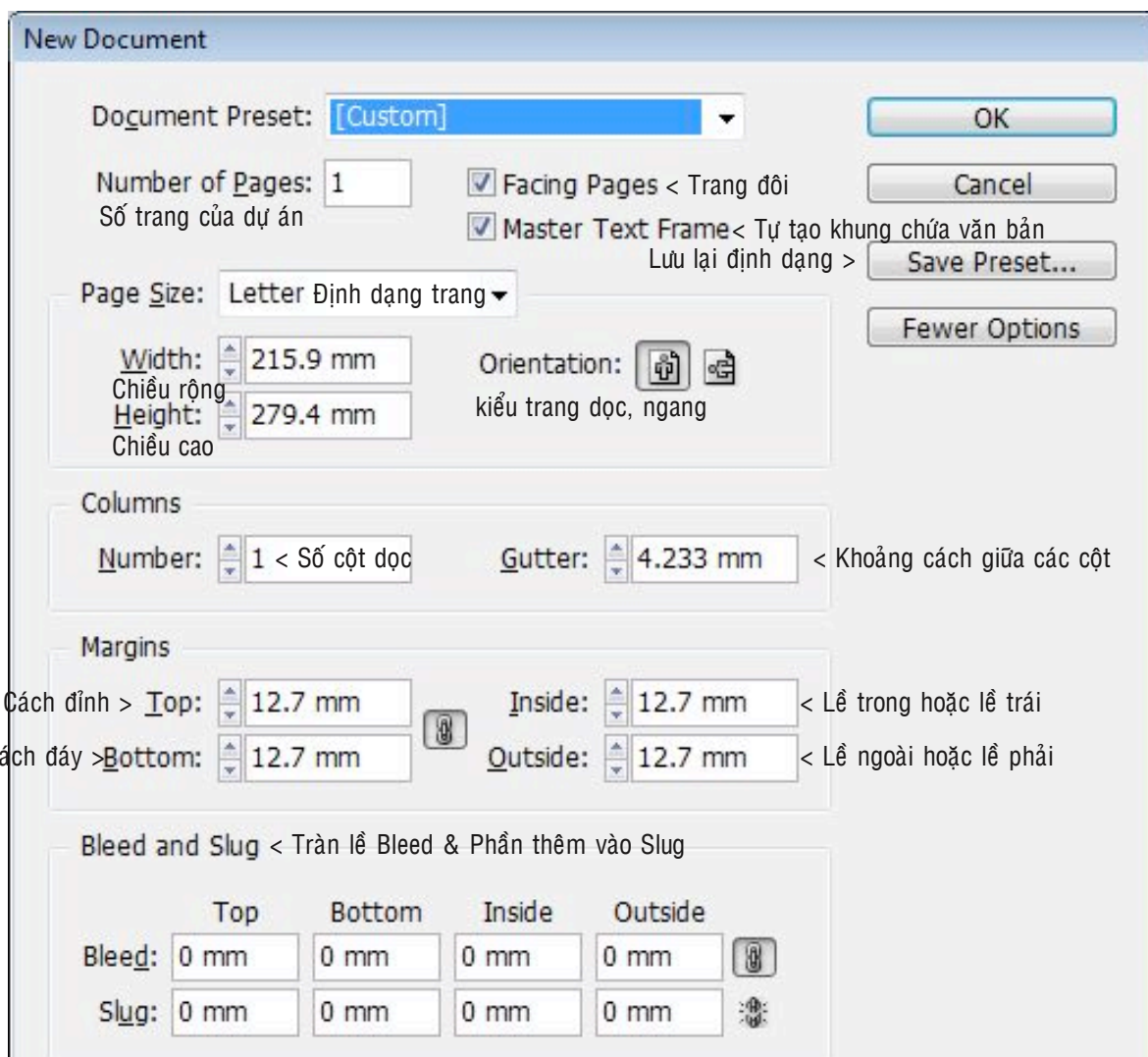


- Chúng ta cũng có thể Zoom gần bằng cách dùng công cụ Zoom và kéo bao bọc vùng cần Zoom gần, hoặc nhấn tổ hợp phím nóng **Ctrl + Spacebar** để Zoom nhanh một vùng nào đó hoặc nhấn **Ctrl + phím cộng ( + )** . Muốn đẩy lùi đối tượng ra xa tầm nhìn ta nhấn tổ hợp phím **Ctrl + Alt + Spacebar**

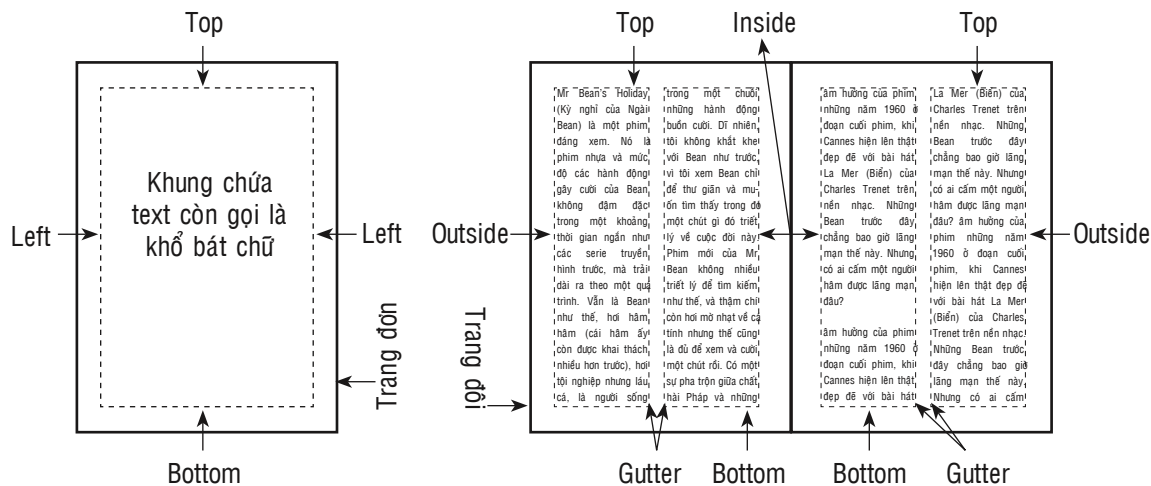
# THAO TÁC VỚI TÀI LIỆU

## 1- Tạo tài liệu mới

Muốn tạo tài liệu mới ta chọn **File > New > Document...** hoặc nhấn **(Ctrl + N)** và chọn các thông số như đã trình bày ở phần tạo dự án mới

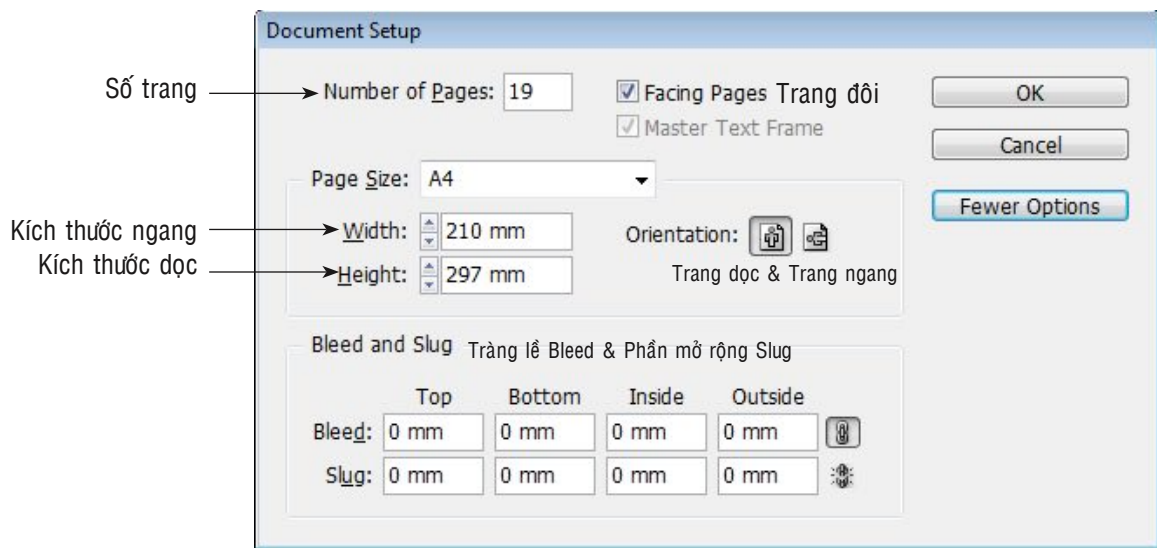


Cách đỉnh > **Top:** 12.7 mm      **Inside:** 12.7 mm < Lê trong hoặc lê trái  
Cách đáy > **Bottom:** 12.7 mm      **Outside:** 12.7 mm < Lê ngoài hoặc lê phải



## 1- Điều chỉnh lại kích thước trang tài liệu

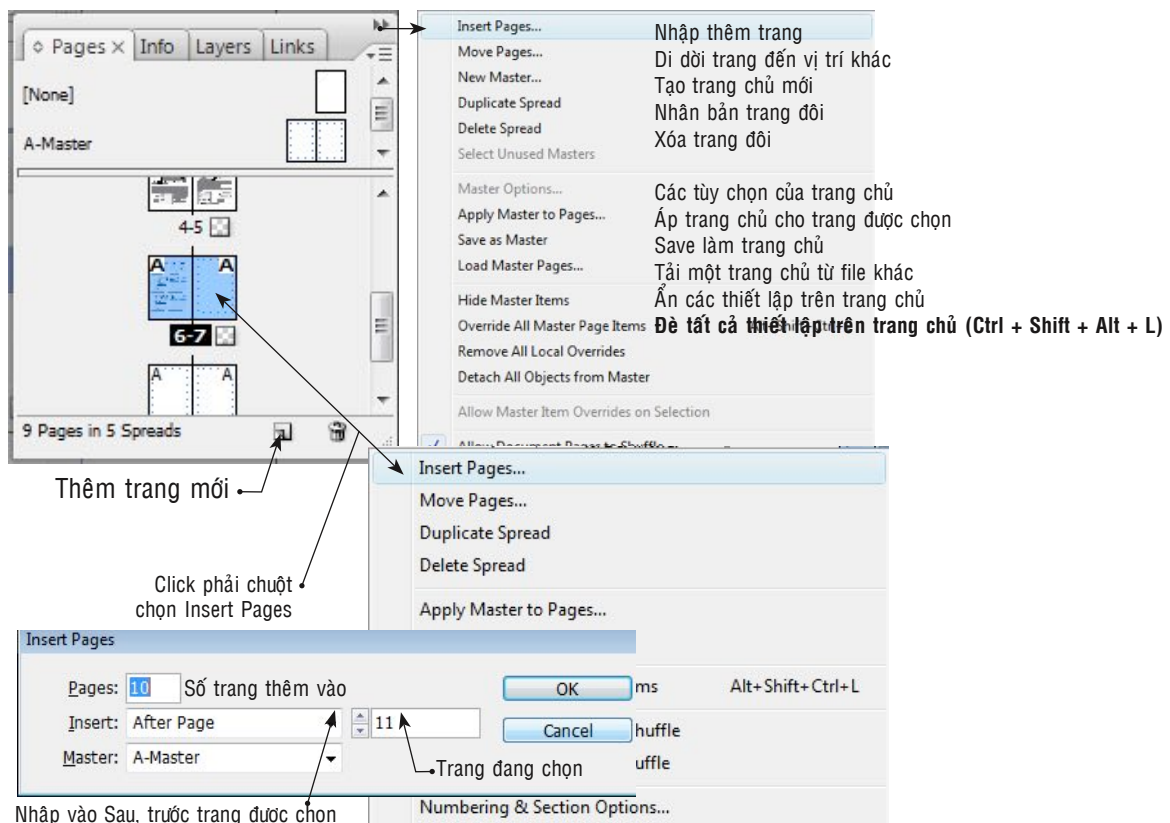
Muốn điều chỉnh lại kích thước của trang tài liệu ta vào **Menu File > Document Setup...** hoặc nhấn tổ hợp phím **Ctrl + P**




## 2/ Thêm trang tài liệu:

- Để thêm trang tài liệu vào trang hiện hành ta vào: **Layout > Page > Add Page (Shift-Ctrl-P)** hoặc click vào nút tạo mới  dưới thanh palette

- Để chèn thêm (nhập thêm) một hoặc nhiều trang tài liệu vào ngay sau trang hiện hành ta vào **Menu palette Pages > Insert Pages** và nhập số trang cần chèn vào mục Pages, hoặc ta Click phải chuột vào trang mà ta cần nhập thêm trang sau đó



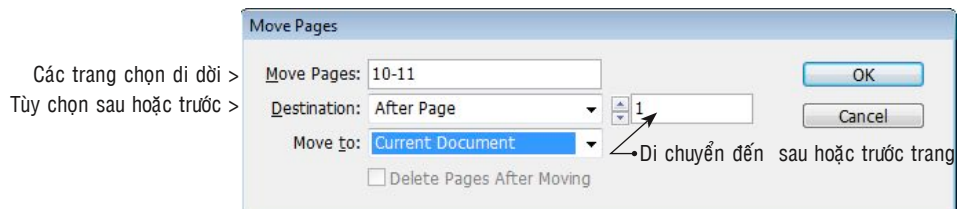
### 3- Nhân bản một trang hoặc nhiều trang tài liệu :

Kéo biểu tượng trang (hoặc nhiều trang) trong Palette Pages và thả vào biểu tượng Create New Page  ở thanh palette page, hoặc ta chọn các trang muốn Duplicate page, vào menu Palette Pages chọn Duplicate page (nếu là một trang) hoặc Duplicate Spread (nếu là nhiều trang), hay ta Click phải chuột vào biểu tượng trang trong Palette Pages và chọn lệnh Duplicate tương ứng.


### 4- Sắp xếp lại vị trí các trang:

Muốn sắp xếp lại vị trí của các trang ta vào **Menu Layout > Pages > Move Pages** rồi xác định trang hoặc những trang muốn thay đổi, sau đó chọn vị trí trang muốn di chuyển đến nhấn OK, hoặc Click phải chuột vào biểu tượng trang và chọn lệnh **Move Pages**. Ngoài ra ta cũng có thể chọn trang cần di chuyển rồi giữ chuột kéo thả vào vị trí mới.

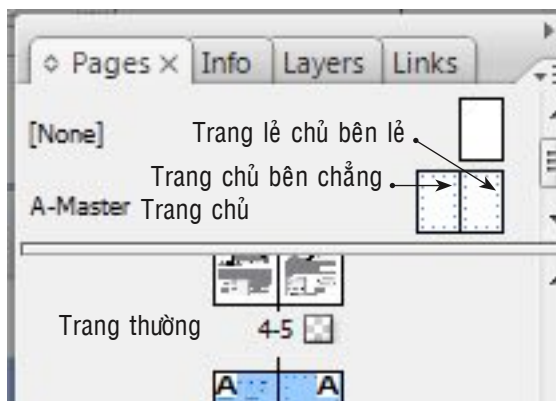
**Chú ý:** Khi ta di dời trang thì chỉ di dời nội dung trang, còn số sang sẽ được cập nhật tự động theo vị trí trang hiện tại tương ứng với vị trí trang tài liệu.



### 4- Xóa trang tài liệu

Muốn xóa trang tài liệu ta chọn trang hoặc các trang cần xóa rồi kéo biểu tượng trang trong Palette Pages xuống biểu tượng thùng rác  bên dưới Palette Pages rồi click OK. Hoặc ta Chọn trang cần xóa rồi Click phải chuột vào biểu tượng trang trong Palette Pages rồi chọn lệnh Delete. Hay vào menu con trong Palette pages rồi chọn lệnh Delete Pages hay Delete Spread nếu muốn xóa nhiều trang.

## II- MASTER PAGES - TRANG CHỦ:



Trang Master là trang mà mọi đối tượng nằm trên nó sẽ được hiển thị ở các trang khác tương ứng. Thông thường Master page sẽ áp kiểu định dạng mẫu cho tất cả các trang bên chẵn hoặc bên lẻ tương ứng với vị trí mà ta đặt định dạng đối tượng bên trang chẵn hoặc trang lẻ. Nếu muốn áp Master Pages cho một trang hoặc một số trang tự chọn, ta vào menu con trong Master Pages, hay Click phải chuột vào biểu tượng trang trong Palette Pages và chọn lệnh **Apply Master to Pages** rồi chọn trang cần áp dụng Master Pages.

Những đối tượng được đặt trên Master pages sẽ xuất hiện trên tất cả các trang tài liệu được liên kết với trang Master đó. Những thay đổi trên trang Master sẽ được cập nhật một cách tự động cho những trang tài liệu được liên kết.

Trang Master thường chứa Logo hoặc những mảng hình được lặp đi lặp lại trong suốt tài liệu, số trang, tiêu đề đầu trang ... của các trang tài liệu. Trang Master cũng có thể chứa những khung text và khung hình rỗng để tạo thành Placeholder (*khung giữ chỗ*) trên các trang tài liệu.

### III- TẠO VÀ SỬ DỤNG TRANG CHỦ:

#### 1- Các cách tạo trang chủ master

Muốn tạo Master Pages ta vào **Window > pages (F12)** để mở Palette Pages. Vùng bên trên là vùng chứa trang Master và vùng bên dưới là vùng chứa trang tài liệu.

#### A- Tạo Master Pages:

**Cách 1:** Vào Menu Palette Page > New Master sẽ xuất hiện hộp thoại

**Cách 2:** Click phải chuột vào vùng chứa trang Master trên Palette Page chọn New Master

Chọn ký tự đại diện Master Pages, nếu không Adobe InDesign sẽ tự động đặt ký tự đại diện theo thứ tự **A,B,C**

Đặt tên cho Master Pages >

- **Prefix:** Nhập ký tự đại diện cho trang Master (Tối đa là 4 ký tự). Ký tự này sẽ xuất hiện trên mỗi trang tài liệu áp dụng trang master đó.

- **Name:** Tên trang Master

- **Based on Master:**

- *None:* tạo một trang Master hoàn toàn mới

- *A,B...Master:* Tạo trang Master dựa trên trang Master đã có.

Khi đó trang Master vừa được tạo ra sẽ là trang Master con của trang Master được chọn (Trang Master cha)

Mỗi trang Master sẽ có một biểu tượng trên vùng chứa trang Master.

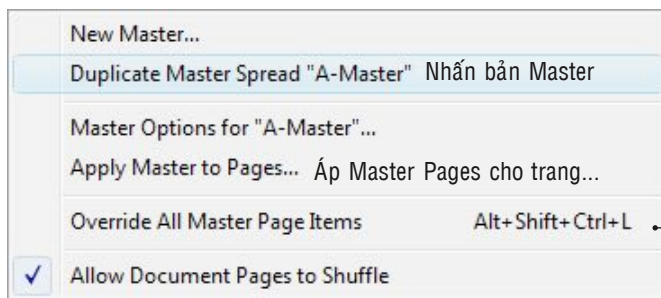
- *Nếu chọn None:* biểu tượng trang trắng

- *Nếu dựa trên một trang Master đã có:* trên biểu tượng có ký tự của trang Master cha.

- **Number of pages:** định dạng trang cho trang Master (tối đa 10 trang)

**Chú ý:** Muốn chuyển một trang hoặc một dãy trang thành Master ta Kéo trang (hoặc dãy trang) đã chọn lên vùng chứa trang Master thì một trang Master mới được tạo ra. Trang Master này sẽ có hình dạng giống hết trang (hoặc dãy trang) tài liệu đã tạo ra nó đồng thời là trang Master con của trang Master đã áp dụng cho trang tài liệu vừa tạo ra nó.

## B- Copy trang Master Pages:



Click phải vào trang Master cần copy (hoặc vào Menu Palltete Pages), chọn Duplicate Master Spread...




→ Phần trình bày trang Master sẽ nằm dưới cùng.

## C- Copy trang Master từ một tài liệu đã có:

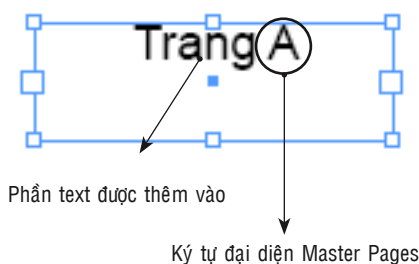
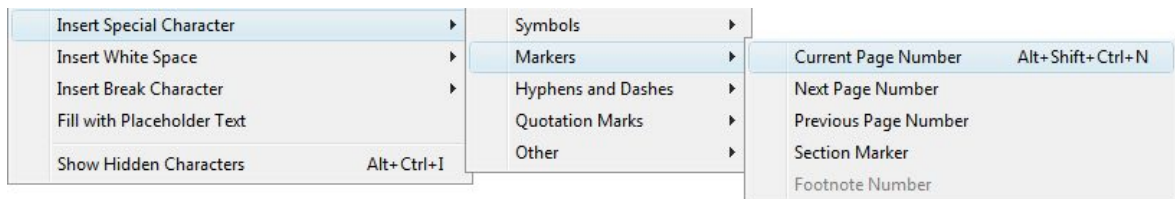
Mở tài liệu có chứa trang Master cần copy.

Trong Palette Pages, click và kéo trang Master cần copy đến cửa sổ chứa tài liệu cần tạo trang Master.

## 2- Đánh số trang tự động:

Muốn tạo số trang tự động ta chọn công cụ Type Tool (T)  vẽ một khung Text trên trang Master tại vị trí cần đánh số, hoặc dùng dùng Pen Tool (P)  vẽ một đường thẳng tại vị trí cần đặt số trang rồi dùng công cụ **Type on the Path Tool (Shift + T)**  Click chuột để nhập text trên đường vừa vẽ.

Sau đó ta vào *Type Menu > Chọn Type > Insert Special Character > Markers > Current Page Number (Alt- Shift- Ctrl-N)*



Ký tự “A” đại diện của trang Master sẽ xuất hiện trong khung text, làm một phần giữ chỗ (Placeholder) dành cho số trang thực tế trên các trang riêng biệt, ta có thể thêm chữ “Trang” hoặc “Page” trước chữ A. Muốn tạo thêm số trang cho trang đối diện ta nhấn tổ hợp phím **Ctrl + Alt + Shift** và kéo biểu tượng chữ “A” đến vị trí cần thêm số trang cho trang đối diện.

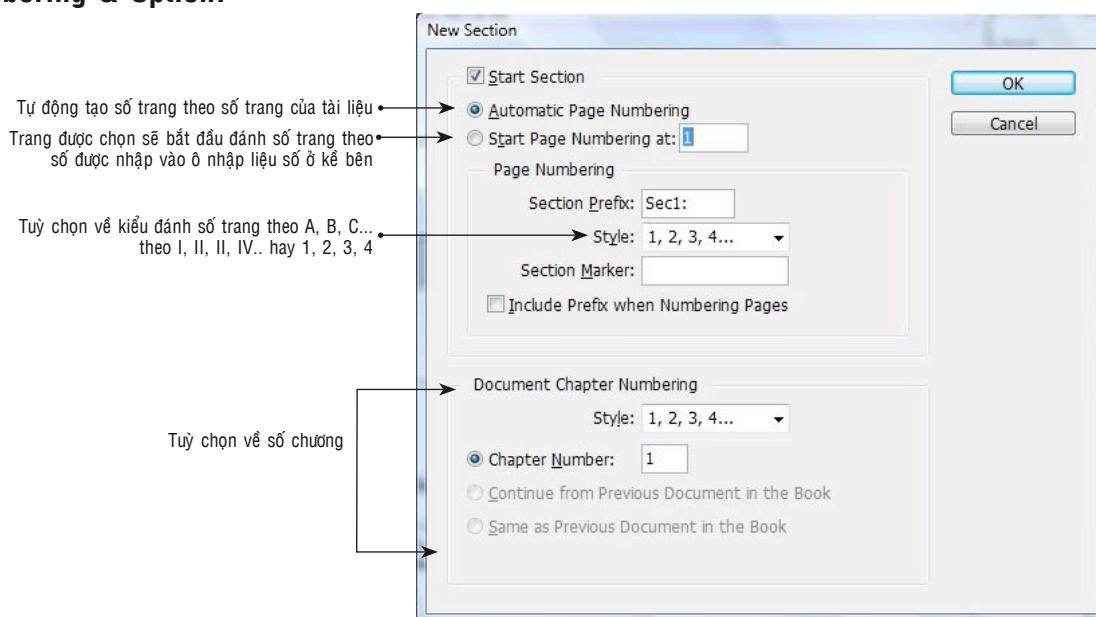
**Chú ý:** Ta không được xóa ký tự chữ A này vì khi đó dù ta có nhập lại ký tự A thì chữ A mà ta nhập vào chỉ là ký tự thông thường chứ không phải là ký tự đặc biệt đại diện cho số trang.

**Ghi chú:** Ngoài việc đánh số trang, khung text trong Master Pages cũng dùng để tạo footer kết hợp với số trang.

Nếu muốn xóa số trang chẵn, lẻ hoặc cả hai xuyên suốt tài liệu thì ta vào trang Master Pages xóa khung text chứa ký tự đại diện của trang chủ ở trang bên phải, bên trái hoặc cả hai. **2- Đánh số trang tự động:**

### 3- Thay đổi thiết lập về số trang:

Muốn thay đổi định dạng số trang ta vào **Menu Layout** chọn **Numbering & Selection Option** hoặc **Click phải chuột** vào biểu tượng trang trong **Pages Palette** và chọn lệnh **Numbering & Option**.



### 4- Tạo dòng Nhấn “Xem tiếp trang”...và “tiếp theo trang”:

Đôi khi trong dàn trang nội dung mà ta trình bày lại nhiều hơn số trang của từng mảng đề tài. Lệnh tạo dòng nhấn sẽ giải quyết vấn đề này bằng cách tìm nơi còn thừa giấy để đặt nội dung bị thừa vào.

Muốn tạo dòng nhấn ta dùng công cụ văn bản **T**, vẽ một khung văn bản chồng lên khung văn bản chứa đoạn đầu của bài viết và nhập chữ “**Xem tiếp trang**” sau đó vào **Menu Type** chọn lệnh **Insert Special Character > Next Page Number**.

Tiếp theo ta cũng tạo ra một khung chứa văn bản như thao tác trên và tạo dòng nhấn “**Tiếp theo trang**” và chọn **Menu Type > Insert Special Character > Previous Page Number** cho đoạn sau của văn bản.

**Chú ý:** Khung văn bản tạo dòng nhấn “**Xem tiếp trang**” và “**tiếp theo trang**” bắt buộc phải chồng lấn lên khung nội dung văn bản.

### 5- Lật trang

Lật trang là di chuyển đến một trang nào đó, ta có thể lật trang bằng cách kéo thanh trượt trên Page Palette đến trang cần chọn rồi Click kép chuột để chọn hoặc ta Click chuột vào thanh trang thái ở dưới cùng màn hình rồi chọn trang tương ứng. Ngoài ra ta có thể sử dụng phím tắt để di chuyển trang như sau:

1. Di chuyển đến trang đầu tiên **Ctrl + Shift + Page Up**
2. Di chuyển đến trang cuối cùng **Ctrl + Shift + Page Down**
3. Di chuyển đến trang trước **Shift + Page Up**
4. Di chuyển đến trang kế **Shift + Page Down**
5. Di chuyển đến trang đôi kế tiếp **Alt + Page Down**
6. Di chuyển đến trang đôi trước **Alt + Page Up**
7. Di chuyển qua lại giữa các trang **Ctrl + Page Down** và **Ctrl + page Down**

# THAO TÁC VỚI VĂN BẢN

## 1- Nhập văn bản

Muốn nhập văn bản vào trong InDesign ta vào Menu File > Place (**Ctrl + D**) khung chứa văn bản (nếu ta không chọn tùy chọn Master Text Frame khi tạo một dự án Layout mới thì ta dùng công cụ Type Tool **T**, kéo vẽ một khung chứa Text và làm lại các thao tác như trên).

Ta có 4 cách đổ văn bản vào trong InDesign



### Cách 1:

Đổ Text dạng tự do

Theo chế độ tự do thì khi nhập (Place) một đoạn văn bản vào InDesign, thì InDesign sẽ tự tạo ra một khung chứa bằng với kích thước mà ta thiết lập ban đầu khi tạo dự án Layout mới. Còn nếu nhập văn bản để đổ vào khung Text Frame đã có thì ta Place văn bản vào InDesign sau đó đặt trỏ chuột tại góc trên bên trái khung chứa văn bản và Click chuột để đổ

văn bản vào. Khi Place văn bản bằng cách này thì văn bản sẽ không tự đổ sang trang kế tiếp khi nội dung văn bản dài hơn khung chứa, mà ta phải Click chuột vào dấu + màu đỏ ở phía dưới góc phải khung chứa và Click chuột vào góc trên bên trái của khung cần liên kết nội dung.



### Cách 2:

Đổ Text dạng bán tự động ta nhấn phím **Alt** trong khi đổ

Khi Place văn bản vào InDesign trước khi đổ văn bản ta nhấn phím Alt thì con trỏ chuột sẽ tiếp tục hiển thị để ta có thể tiếp tục đổ nội dung còn lại vào các khung khác cho đến khi ta đổ hết văn bản.



### Cách 3:

Đổ Text tự động ta nhấn phím **Shift** trong khi đổ

Khi Place văn bản vào InDesign trước khi đổ văn bản ta nhấn phím Shift thì InDesign sẽ tự động tạo thêm khung chứa Text và trang để chứa hết toàn bộ nội dung Text được nhập vào.



### Cách 4:

Đổ Text tự động mà không thêm trang thì nhấn **Shift + Alt** trong khi đổ

Khi Place văn bản vào InDesign trước khi đổ văn bản ta nhấn phím Shift + Alt khi đổ thì InDesign sẽ tự động đổ hết Text vào khung văn bản nhưng không thêm trang và thêm khung văn bản khác.



## II- Các công cụ văn bản


### T. Type Tool (T) - công cụ tạo văn bản

Dùng để vẽ một khung chứa văn bản để nhập hoặc gõ Text vào.

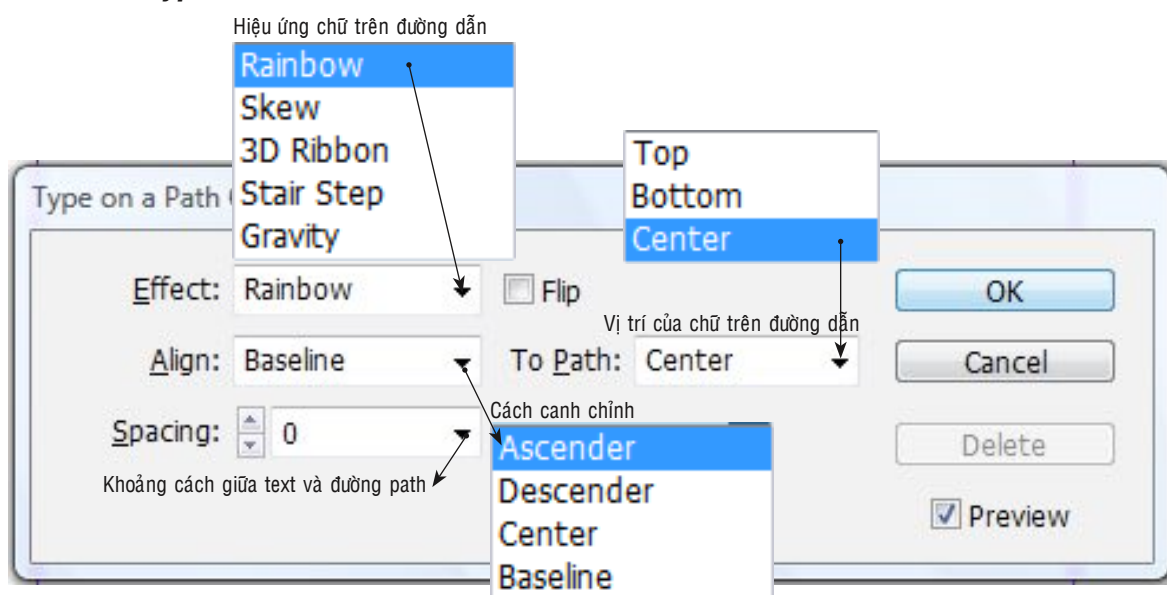
**Chú ý:** Ta có thể dùng text giữ chỗ cho khung chứa như một giải pháp tạm thời trong Layout mẫu bằng cách vào **Menu Type > Chọn lệnh Fill With Placeholder Text**



### Type on a Path tool (Shift + T) chữ chạy trên đường Path

Dùng để tạo văn bản chạy trên đường dẫn, muốn tạo văn bản chạy trên đường dẫn ta phải tạo ra đường dẫn bằng cách dùng Pen  hoặc Pencil Tool, hay các công cụ vẽ và kết hợp hình học khác. Sau đó ta dùng công cụ Type on a path Click chuột lên đường dẫn và nhập gõ văn bản vào. Ta có thể mở rộng các tùy chọn cho công cụ chữ trên đường dẫn bằng cách Click kép chuột lên công cụ Type on a Path để mở bảng Type on a Path Option và chọn các tùy chọn tương ứng như hình bên dưới.

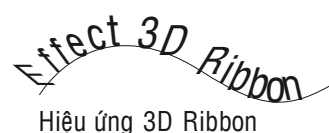
Muốn hủy bỏ nội dung chữ trên đường dẫn ta vào **Menu Type > Type on a Path > Delete Type from Path**



Hiệu ứng Rainbow



Hiệu ứng Skew



Hiệu ứng 3D Ribbon



Hiệu ứng Stair Step



Hiệu ứng Gravity

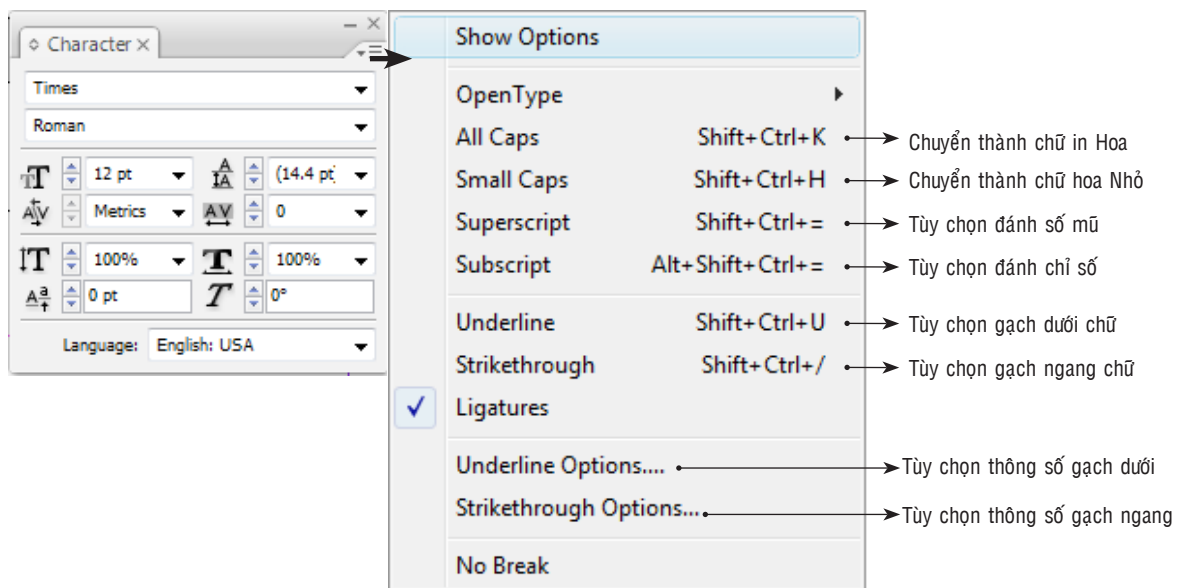
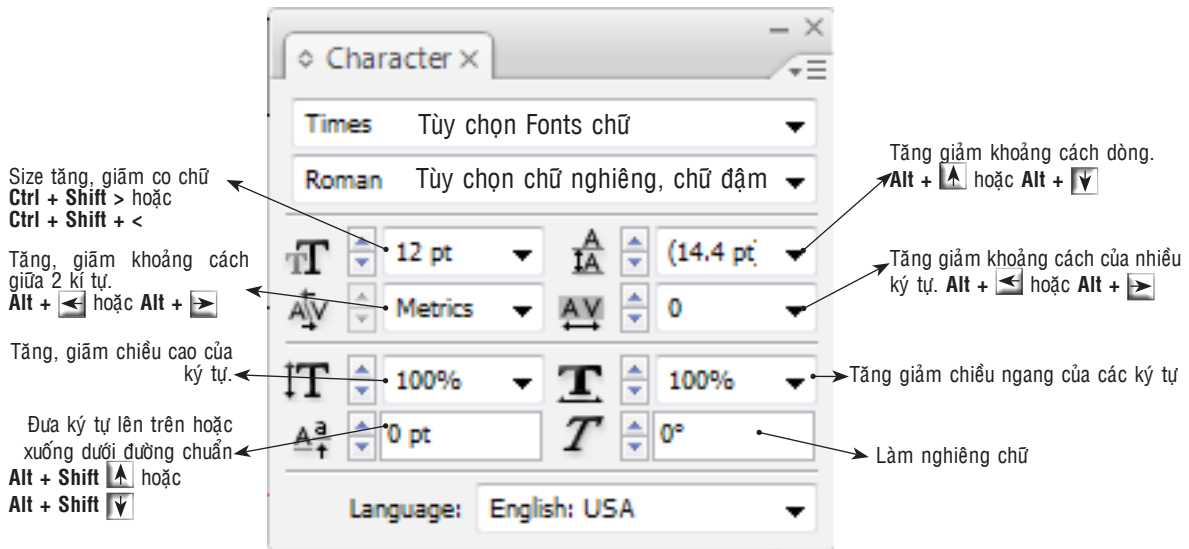


Flip để lật ngược

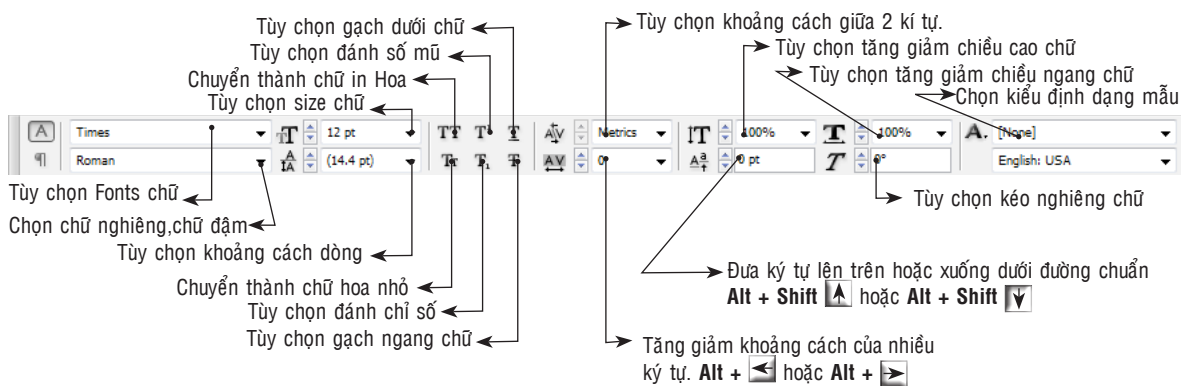
## Character Palette (Ctrl + T) :

Dùng để chọn các tùy chọn về chỉnh sửa ký tự như Size, khoảng cách chữ, khoảng cách hàng, tăng chiều cao, tăng chiều ngang của chữ ....

Muốn mở Character Palette ta vào **Menu Window > Type & Tables > Character** hoặc nhấn tổ hợp phím **Ctrl + T**



## Tùy chọn tương ứng với Character Palette là **Window > Control**:

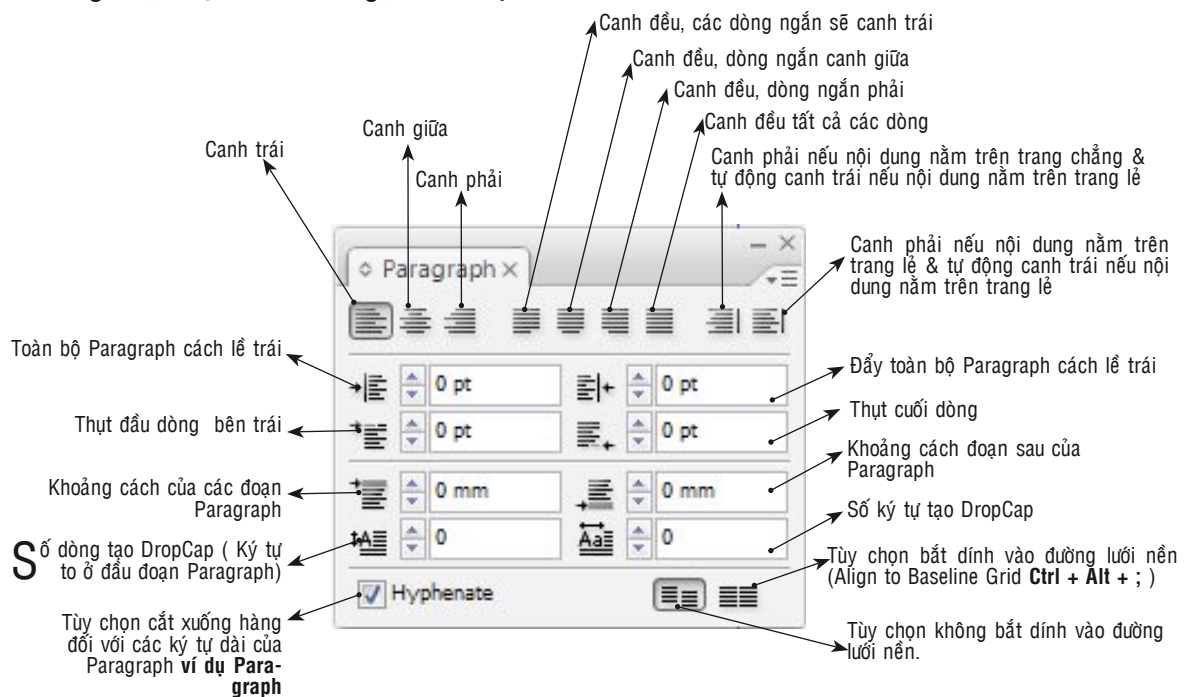


## Cách chọn từ, dòng, đoạn và toàn bộ văn bản

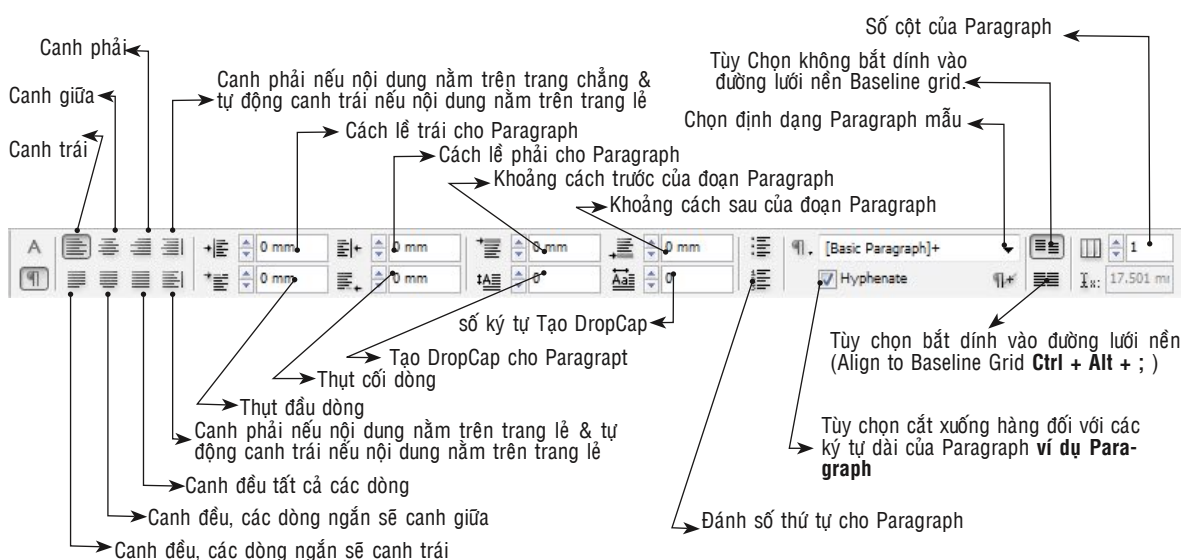
- Word** : Muốn chọn từ trong nội dung văn bản ta bấm **dúp chuột vào từ cần chọn**
- Line** : Muốn chọn dòng văn bản ta **Click chuột ba lần liên tiếp vào dòng cần chọn**
- Paragraph**: Muốn chọn nội dung một đoạn văn bản ta **Click chuột 4 lần liên tiếp**. *Chú ý đoạn văn bản là một khối văn bản bắt đầu từ đầu dòng và kết thúc bằng một dấu chấm (.) và nhấn Enter xuống hàng.*
- Size**: Là kích thước chữ, thông thường kích thước chữ được tính bằng Point hoặc bằng Pica, trong đó một **Inch = 6 Pica = 72 Point**

## Paragraph Palette: Định dạng đoạn văn bản

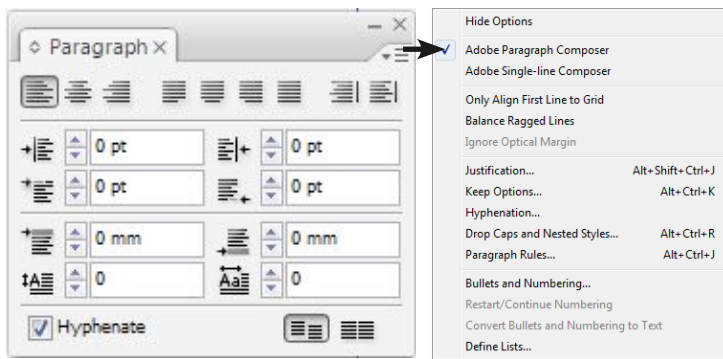
Paragraph palette dùng để định dạng và thao tác với khối văn bản như canh lề, canh giữa, thụt đầu dòng, chia cột văn bản...



## Tùy chọn tương ứng với Paragraph Palette là **Window > Control**



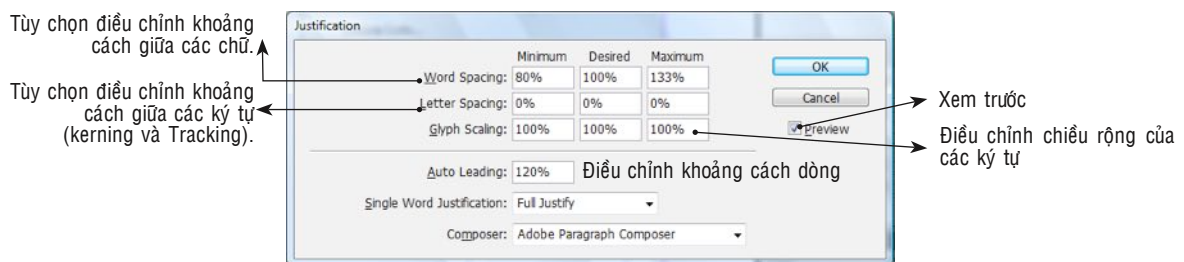
## Paragraph Palette > Option



### 1. Paragraph Palette > Justification (Ctrl + Alt + Shift + J)

Lệnh Justification dùng để điều chỉnh khoảng cách giữa các từ hoặc các ký tự. Muốn chọn lệnh Justification ta vào menu Window chọn Type & Table rồi chọn Paragraph, sau đó ta Click chuột vào hình tam giác nhỏ phía trên góc phải của Paragraph Palette và chọn lệnh Justification hoặc nhấn tổ hợp phím **Ctrl + Alt + Shift + J**.

**Chú ý:** Các tùy chọn thay đổi trên Justification sẽ ảnh hưởng cho toàn bộ Paragraph



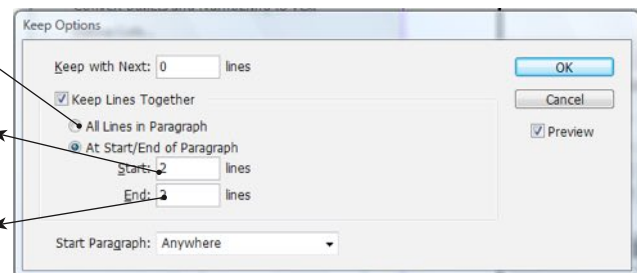
### 2. Paragraph Palette > Keep Options (Ctrl + Alt + K)

Lệnh Keep with Next Paragraph có chức năng đảm bảo tiêu đề và nội dung đoạn Paragraph sẽ luôn được giữ cùng với nhau. Nếu nội dung bị đưa sang cột hay trang mới thì tiêu đề cũng được mang theo.

Các dòng trong một đoạn Paragraph phải nằm trên một cột hoặc một trang

Số dòng tối thiểu của Paragraph mà Indesign cho phép rơi vào cuối cột của cột hoặc trang trước. Lệnh này dùng để xử lý các dòng mồ côi (orphan).

Số dòng tối thiểu của Paragraph mà Indesign cho phép rơi vào đầu cột của cột hoặc trang sau. Lệnh này dùng để xử lý các dòng mồ góa (widow).



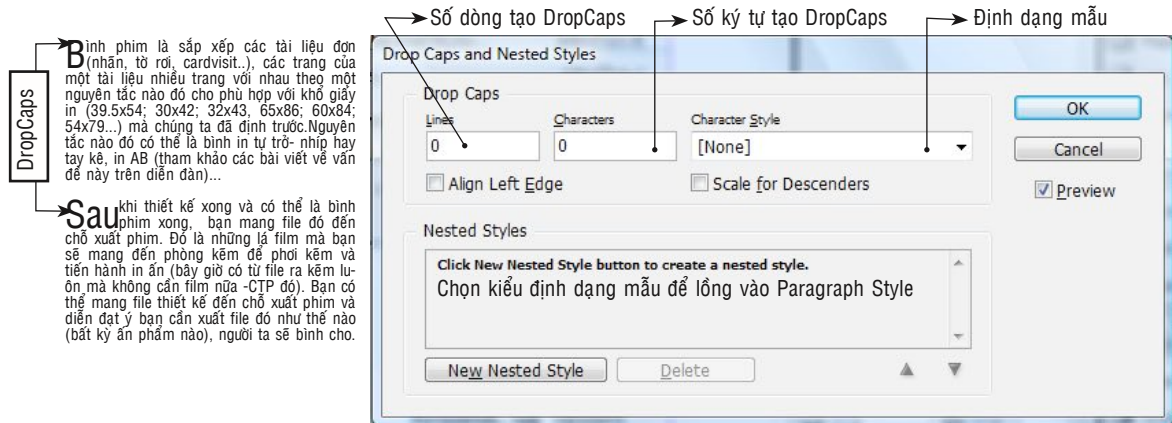
**Ghi chú:** Dòng góa (widow) là dòng cuối cùng của Paragraph còn sót lại ở trang hoặc cột kế tiếp

Dòng mồ côi (Orphan) là dòng đầu tiên của Paragraph mà nó còn sót lại ở cuối cột trước hay trang trước.

Ta có thể xử lý dòng góa và dòng mồ côi bằng cách điều chỉnh **Tracking**, hoặc điều chỉnh **Horizontal scale**.

### 3.Paragraph Palette > DropCap and Nested Styles (Ctrl + Alt + R)

Lệnh DropCaps dùng để tạo chữ hoa to ở đầu đoạn văn bản nhằm tạo điểm nhấn cho đoạn văn bản.



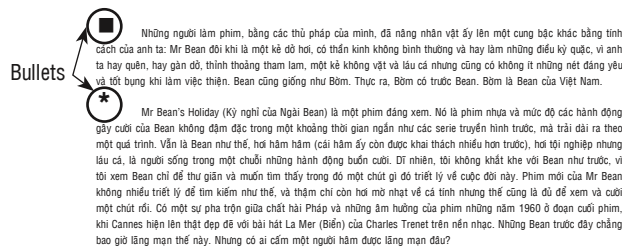
DropCaps

Bình phim là sắp xếp các tài liệu đơn (nhân, tờ rơi, cardvisit...), các trang của một tài liệu nhiều trang với nhau theo một nguyên tắc nào đó cho phù hợp với khổ giấy in (39.5x54; 30x42; 32x43; 65x86; 60x84; 54x79...) mà chúng ta đã định trước. Nguyên tắc nào đó có thể là bình in tự- nhíp hay tay kẻ, in AB (tham khảo các bài viết về vấn đề này trên diễn đàn)...

Sau khi thiết kế xong và có thể là bình phim xong, bạn mang file đó đến chỗ xuất phim. Đó là những lá film mà bạn sẽ mang đến phòng kẽm để phơi kẽm và tiến hành in ấn (bây giờ có từ file ra kẽm luôn mà không cần film nữa -CTP đó). Bạn có thể mang file thiết kế đến chỗ xuất phim và diễn đạt ý bạn cần xuất file đó như thế nào (bất kỳ ấn phẩm nào), người ta sẽ bình cho.

### 4.Paragraph Palette > Bullets and Numbering

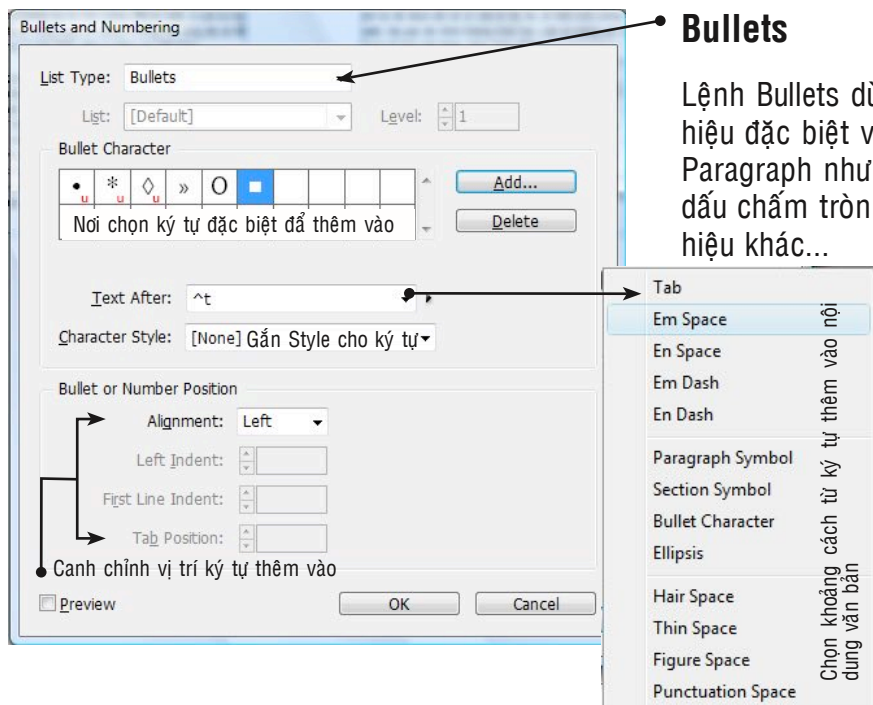
Lệnh Bullets và Numbering dùng để tạo dấu hoa thị (hoặc các ký hiệu khác) và số thứ tự vào đầu đoạn văn bản.



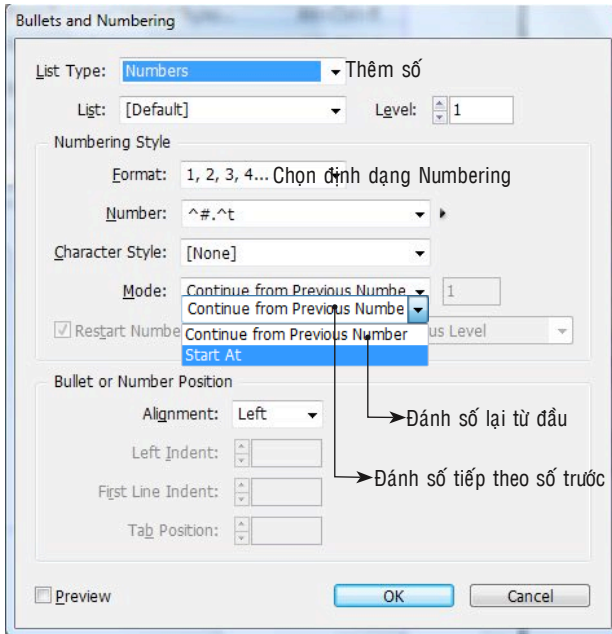
Bullets

### Bullets

Lệnh Bullets dùng để thêm các ký hiệu đặc biệt vào đầu mỗi đoạn Paragraph như dấu hoa thị \*, •, ®.... dấu chấm tròn, vuông hoặc các dấu hiệu khác...



## Numbering



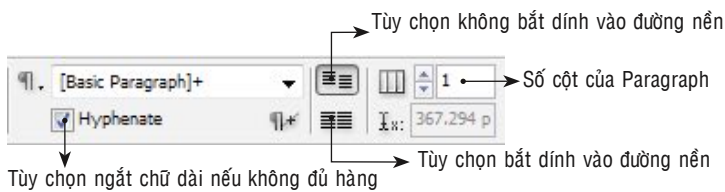
Lệnh Numbered dùng để thêm các số thứ tự vào đầu mỗi đoạn Paragraph, số thứ tự theo số Lamã, theo dạng A, B, C...hoặc 1, 2, 3, 4....



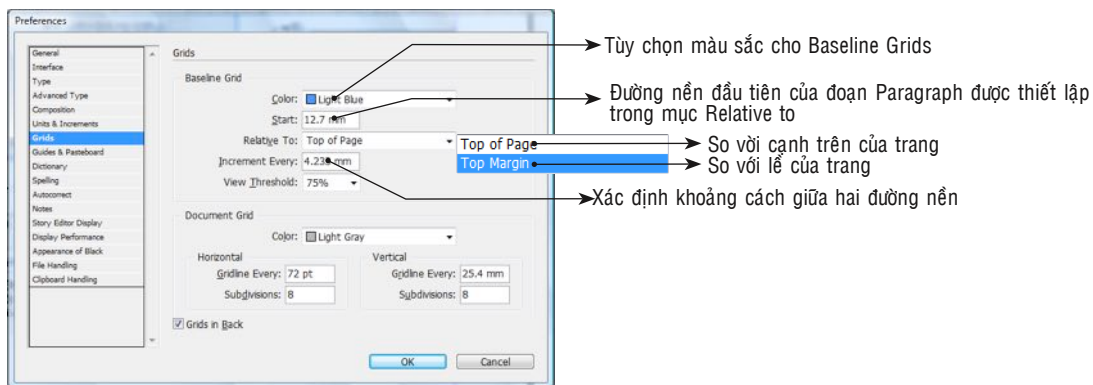
Những người làm phim, bằng các thủ pháp của mình, đã nâng nhân vật ấy lên một cung bậc khác bằng tính cách của anh ta: Mr Bean đôi khi là một kẻ dờ dại, có thần kinh không bình thường và hay làm những điều kỳ quặc, vì anh ta hay quên, hay gán đồ, thỉnh thoảng tham lam, một kẻ không vật và lười cả nhưng cũng có những nét đáng yêu và tốt bụng khi làm việc thiện. Bean cũng giống như Bôm. Thực ra, Bôm có trước Bean. Bôm là Bean của Việt Nam.

Mr Bean's Holiday (Kỳ nghỉ của Ngài Bean) là một phim đáng xem. Nó là phim nhựa và mức độ các hành động gây cười của Bean không đảm đặc trong một khoảng thời gian ngắn như các serie truyền hình trước, mà trải dài ra theo một quá trình. Vẫn là Bean như thế, hơi nham hiểm (cái hàm ấy còn được khai thác nhiều hơn trước), hơi tội nghiệp nhưng lâu cá, là người sống trong một chuẩn những hành động buồn cười. Dĩ nhiên, tôi không khắt khe với Bean như trước, vì tôi xem Bean chỉ để thư giãn và muốn tìm thấy trong đó một chút gì đó triết lý về cuộc đời này. Phim mới của Mr Bean không nhiều triết lý để tìm kiếm như thế, và thậm chí còn hơi mờ nhạt về cả tính nhưng thế cũng là đủ để xem và cười một chút rồi. Có một sự pha trộn giữa chất hài Pháp và những âm hưởng của phim những năm 1960 ở đoạn cuối phim, khi Cannes hiện lên thật đẹp để với bài hát La Mer (Biển) của Charles Trenet trên nền

## 5. Align to baseline grid - Canh hàng văn bản trên lưới nền



Lệnh Allign to baselline grid dùng làm cho các hàng ngang của văn bản sẽ thẳng hàng với nhau, bằng cách bắt dính văn bản vào đường lưới nền. Chúng ta có thể thay đổi giá trị mặc định của **Baseline Grid** cho một tài liệu bằng cách vào **Menu Edit > Preference** và chọn **Grids**.



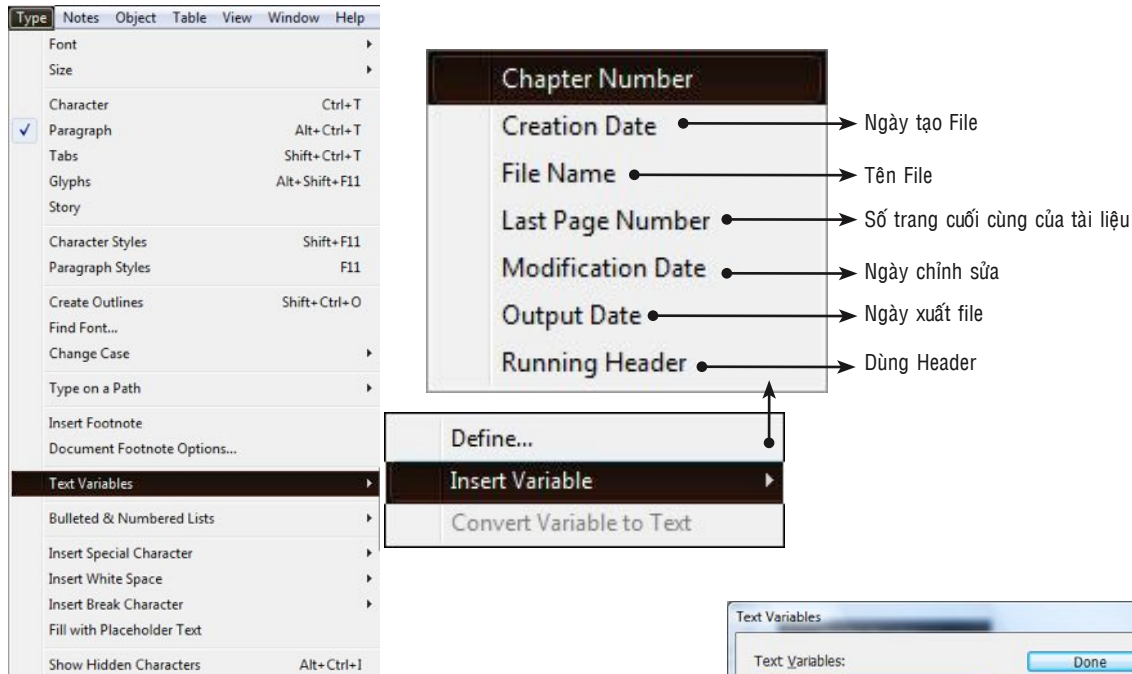
Chức năng chính của lệnh Align to Baseline Grid là để đảm bảo rằng tất cả các hàng ngang của văn bản sẽ luôn thẳng hàng với nhau. Chúng ta có thể ẩn hoặc hiện Baseline grid bằng cách vào **Menu View > Grids and Guides > Show Baseline Grid** hoặc nhấn tổ hợp phím tắt **Ctrl + Alt + '**

**Chú ý:** Ta có thể tạo riêng Baseline Grid riêng cho mỗi đoạn Paragraph bằng cách vào **Menu Object > Text Frame Option** rồi chọn các giá trị tương ứng hoặc nhấn tổ hợp phím **Ctrl + B**.

## 6. Text Variables - Chèn các thông tin về File

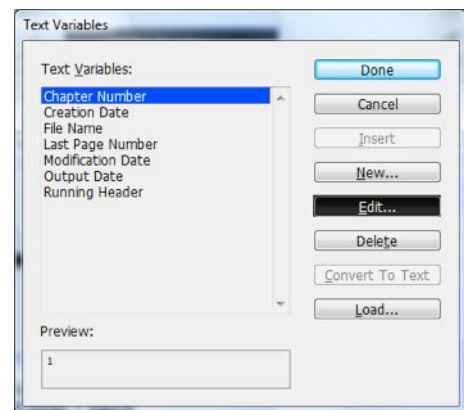
Lệnh Text Variables dùng để chèn các thông tin về File như tên File, tên chương, ngày tạo, ngày xuất file...

Muốn sử dụng lệnh Text Variables ta vào **Menu Type > Text Variables > Insert variable**



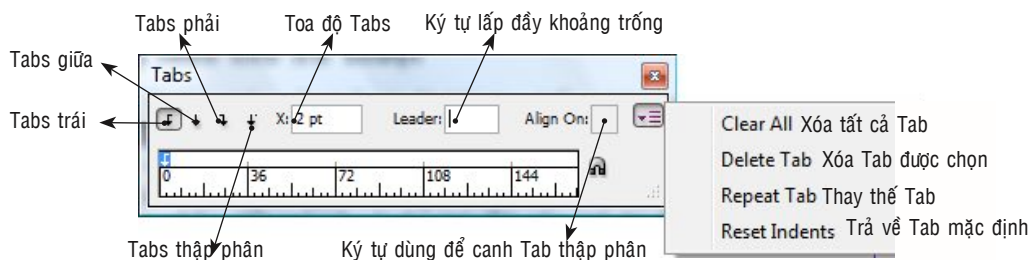
### Chú ý:

Nếu muốn chỉnh lại phần nội dung được thêm vào của Text Variables ta vào **Menu Type** chọn **Text Variables > Define** rồi chọn các mục tương ứng để chỉnh sửa và chọn **Edit**





## 7. Tabs -Tạo bước nhảy tabs cho trỏ chuột (Ctrl + Shift + T)


Lệnh Tabs dùng để thiết lập bước nhảy của trỏ chuột khi ta nhấn phím tabs, Mặc định InDesign thiết lập giá trị cho bước tab là **1/2 Inch** hay **12,7 mm**. Ta có thể thiết lập lại điểm dừng cho Tabs theo ý riêng của mình, mọi một đoạn Paragraph có thể có nhiều thiết lập điểm dừng Tabs khác nhau. Đối với InDesign CS3 nếu ta thiết lập Tabs cho văn bản từ Microsoft Word thì khi nhập (Place) vào Indesign thì các giá trị Tabs này sẽ được nhập kèm theo.




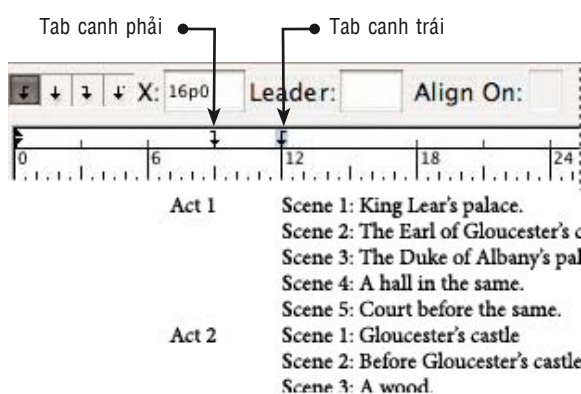
Trong InDesign có 5 kiểu thiết lập Tab đó là:

**Left-Justified Tab**  : Dùng để canh trái (giống Left Alignment)

**Center-Justified Tab**  : Dùng để canh giữa (giống Centered Alignment)

**Right-Justified Tab**  : Dùng để canh phải (giống Right Alignment)

**Align to Decimal Tab**  : Dùng để canh theo các ký tự đặc biệt như dấu ., : , ... mà ta xác lập trong khung tùy chọn Align On

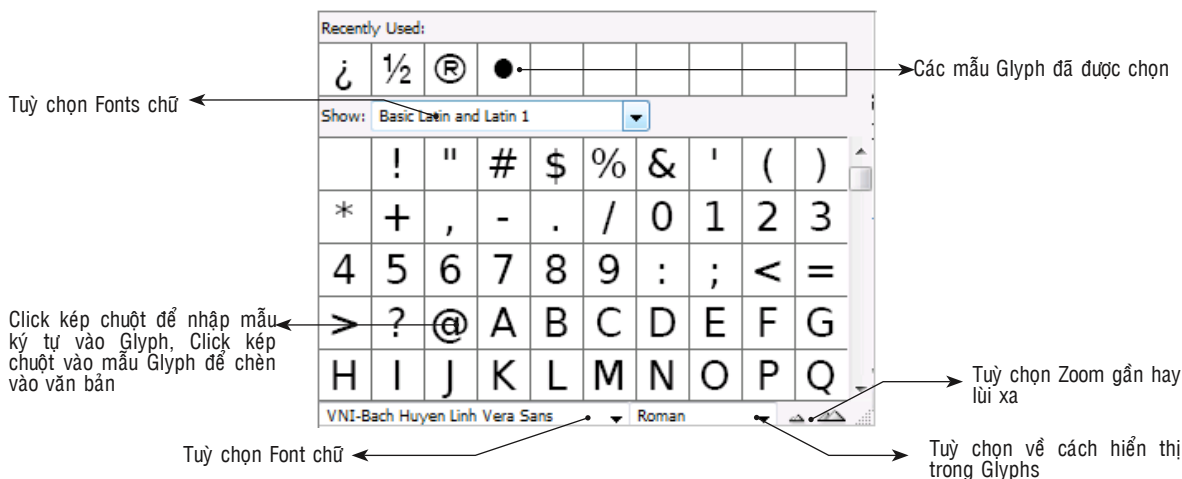


Để thiết lập các giá trị cho bước nhảy Tab ta nhấn phím **Ctrl + Shift + T** để mở bảng Tab, sau đó ta chọn các dạng canh Tab như **Left-Justified**, **Center-Justified**, **Right-Justified**, **Align to Decimal** và **Align on**. Sau đó bấm chuột vào vùng thước trên bảng Tab nơi ta cần tạo bước nhảy Tab hoặc ta có thể nhập giá trị số vào ô tùy chọn tọa độ Tab và nhấn Enter, khi này điểm dừng Tab sẽ được thiết lập trên thước.

Để hiệu chỉnh lại Tab ta có thể kéo biểu tượng của Tab trên thước đến vị trí mới, hoặc nhập giá trị muốn hiệu chỉnh vào ô xác định tọa độ X.

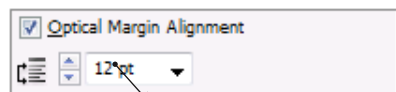
## 8. Glyphs (Alt + Shift + F11)

Mỗi một Fonts chữ có những ký tự khác nhau như chữ thường, chữ in hoa, chữ hoa nhỏ, đồng thời cũng có các ký hiệu đặc biệt ®, ½, ¿...Lệnh Glyphs dùng để chèn các ký tự khác nhau của cùng một Fonts hoặc khác Fonts.



## 8. Story (Menu Type > Story)

Mỗi một Fonts chữ có những ký tự như dấu chấm (•), dấu (,), Dấu (“)...khi canh hàng InDesign sẽ canh cả các đối tượng này nên đôi khi ta canh hàng văn bản trên đường định lề sẽ không thật sự thẳng. Để canh hàng được thẳng ta dùng lệnh **Story** và chọn tùy chọn **Optical Margin Alignment**.



Chọn Size chữ bằng với Size của Paragraph

“Không có gì quý hơn độc lập tự do”.

← Không áp dụng lệnh Optical Margin Alignment

“Không có gì quý hơn độc lập tự do”.

← Có áp dụng lệnh Optical Margin Alignment



## Chú ý:

Ta có thể huỷ bỏ lệnh **Optical Margin Alignment** bằng cách chọn **Palette Paragraph** rồi chọn lệnh **Ignore Optical Margin**.

## 9. Text Frame Option (Ctrl + B)

Lệnh **Text Frames Options** dùng để thay đổi các tùy chọn của khung văn bản như thay đổi số cột, khoảng cách cột, canh hàng...

Để chọn **Text Frames Options** ta vào **Menu Object** chọn **Text Frames Options**

The screenshot shows the **Text Frame Options** dialog box with the following annotations:

- Số cột** (Number of columns) points to the **Number** field (set to 1).
- Chiều rộng của cột** (Column width) points to the **Width** field (set to 144 pt).
- Khoảng cách giữa các cột** (Gutter) points to the **Gutter** field (set to 12 pt).
- Khoảng cách giữa chữ với khung bao bên ngoài** (Inset Spacing) points to the **Top**, **Bottom**, **Left**, and **Right** fields (all set to 0 mm).
- Tùy chọn canh khối văn bản so với chiều dọc khung** (Vertical Justification) points to the **Align** dropdown menu, which is open showing **Top**, **Center**, **Bottom**, and **Justify**.

Below the dialog box are four text frames illustrating the alignment options:

- Top**: Text is aligned to the top of the frame.
- Center**: Text is centered horizontally within the frame.
- Bottom**: Text is aligned to the bottom of the frame.
- Justify**: Text is justified (aligned to both the left and right margins).

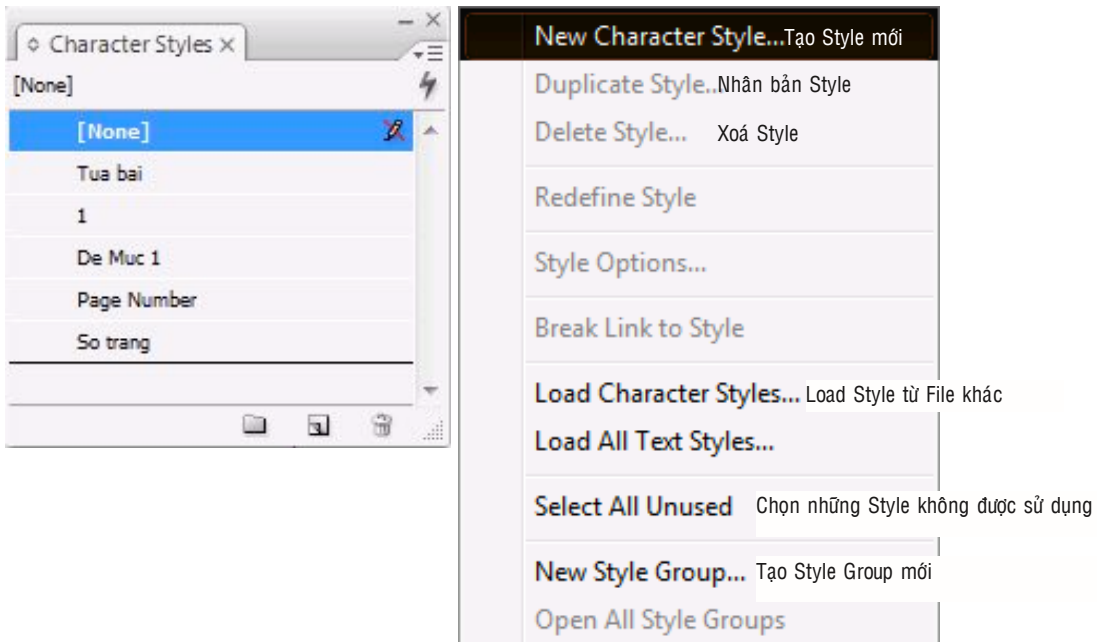
## 10. Character Styles (Shift + F11) - Định dạng tiêu đề mẫu

Lệnh **Character Styles** dùng để thiết lập các định dạng mẫu cho đoạn văn bản ngắn và tiêu đề mà đặc biệt là tiêu đề.

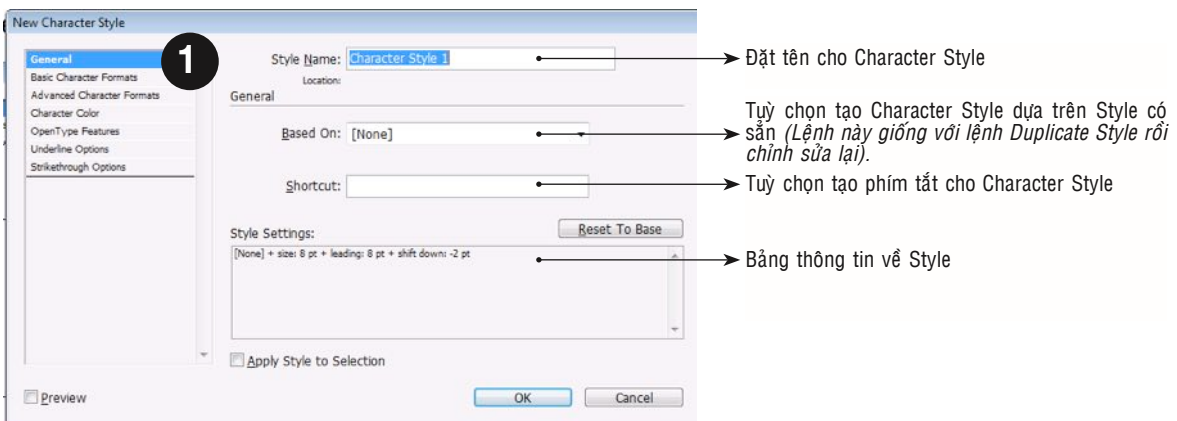
Muốn chọn **Character Styles Palette** ta chọn **Menu Window > Type & Tables > Character Styles (Shift + F11)**.

The screenshot shows the **Character Styles** palette with the following annotations:

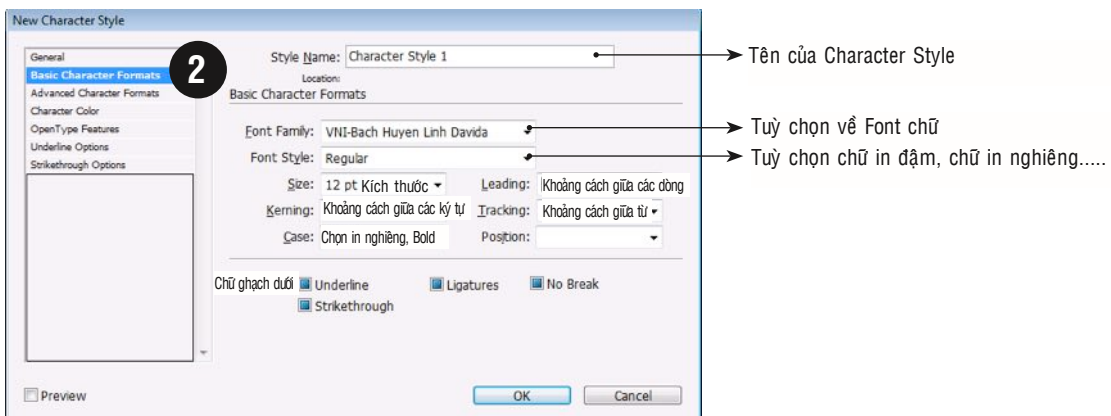
- Không chọn Style** (Do not select style) points to the **[None]** style at the top.
- mẫu Style đã được thiết lập** (Style sample has been set up) points to the **Tua bài** style.
- Tạo một Group mới cho Styles** (Create a new group for styles) points to the **+** icon at the bottom.
- Tạo Styles mới** (Create new styles) points to the **+** icon at the bottom.
- Xoá Style** (Delete style) points to the **-** icon at the bottom.



Để tạo một Character Style mới ta Click chuột vào biểu tượng **Create New Style** bên dưới **Character Style Palette**, hoặc Click chuột vào biểu tượng tam giác bên góc phải của Character Style Palette rồi chọn **New Character Style...**

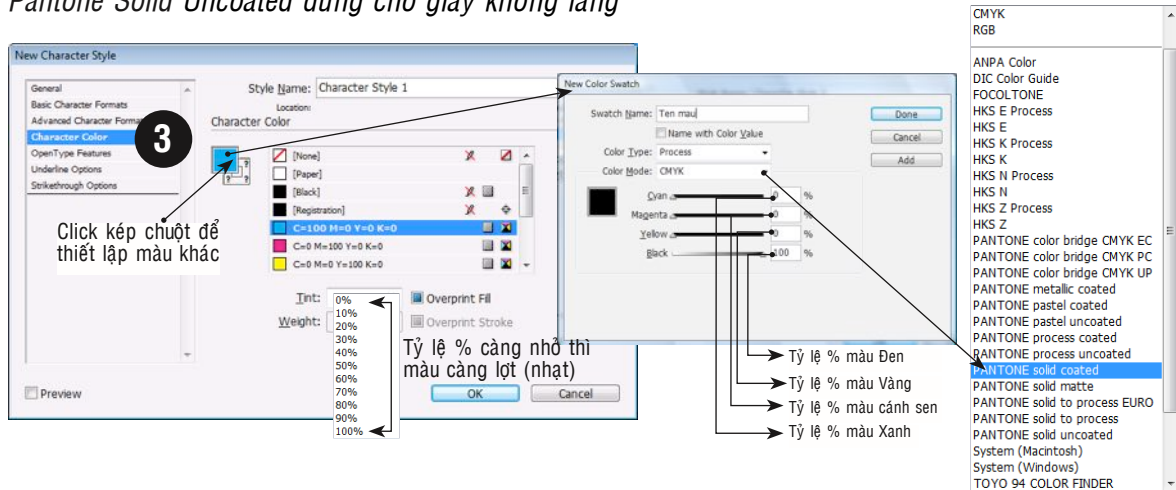


Muốn thay đổi hoặc chỉnh sửa lại thuộc tính của Character Style ta Click kép chuột vào Character Style trên Character Style Palette hoặc chọn Style Option trong menu con của Character Style Palette và chọn các tùy chọn tương ứng.



Lệnh Character **Styles** > **Color** dùng để thiết lập các tùy chọn về màu sắc cho đoạn văn bản ngắn hay tiêu đề. Muốn thay đổi độ lợt (nhạt) của màu ta chọn mục Tint và chọn tỷ lệ % tương ứng. Muốn tạo mẫu màu mới ta Click kép chuột vào ô hoán chuyển màu tô và màu viền trong Character Style rồi chọn giá trị **C, M, Y, K** hoặc **Pantone** tương ứng.

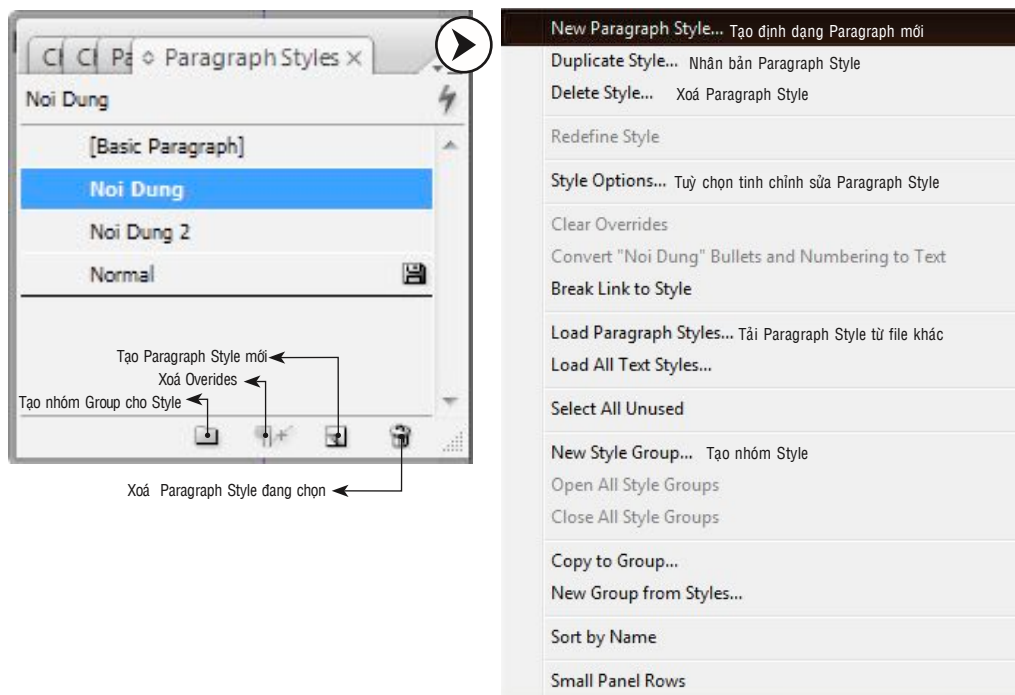
**Chú ý:** Nếu sử dụng Pantone có hai tùy chọn là *Pantone Solid Coated* dùng cho giấy láng và *Pantone Solid Uncoated* dùng cho giấy không láng



## 11. Paragraph Styles (F11) - Định dạng đoạn văn bản (Nội dung) mẫu

Lệnh Paragraph Styles dùng để thiết lập các định dạng mẫu cho đoạn văn bản hoặc toàn bộ các đoạn Paragraph. Trong thực tế Layout cho báo chí đôi khi các cụm nội dung khác nhau sẽ có kiểu chữ và định dạng nội dung khác nhau, Cho nên sử dụng Paragraph Style giúp ta đồng bộ hoá công việc layout một cách nhanh chóng và chuyên nghiệp.

Muốn thiết lập định dạng cho khối văn bản (nội dung) ta vào **Menu Window > Type & Tables > Paragraph Styles** hoặc **nhấn tổ hợp phím F11**. Các thiết lập định dạng Paragraph Style cũng tương tự như của Character Style với một số tùy chọn cơ bản như sau.

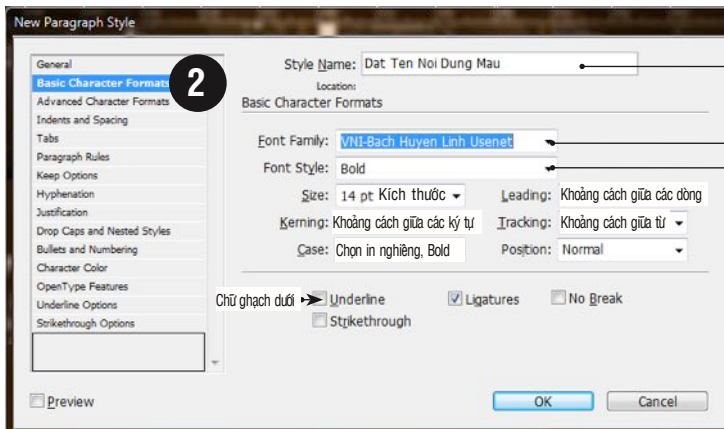




→ Đặt tên cho Paragraph Style

→ Tùy chọn tạo Paragraph Style dựa trên Style có sẵn (Lệnh này giống với lệnh Duplicate Style rồi chỉnh sửa lại).

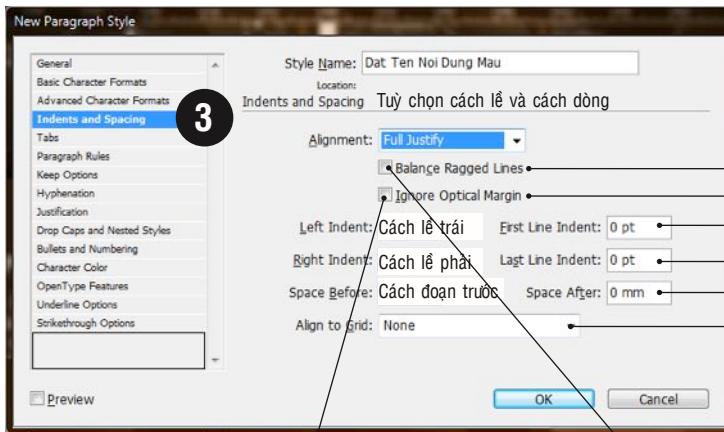
→ Tạo phím tắt cho Paragraph Style



→ Tên của Paragraph Style

→ Tên Font cho Paragraph Style

→ Tùy chọn về chữ nghiêng, chữ Bold đậm



→ Canh hàng văn bản thẳng hàng ngang

→ Bỏ qua canh hàng ngang của văn bản

→ Thụt đầu dòng của mỗi đoạn

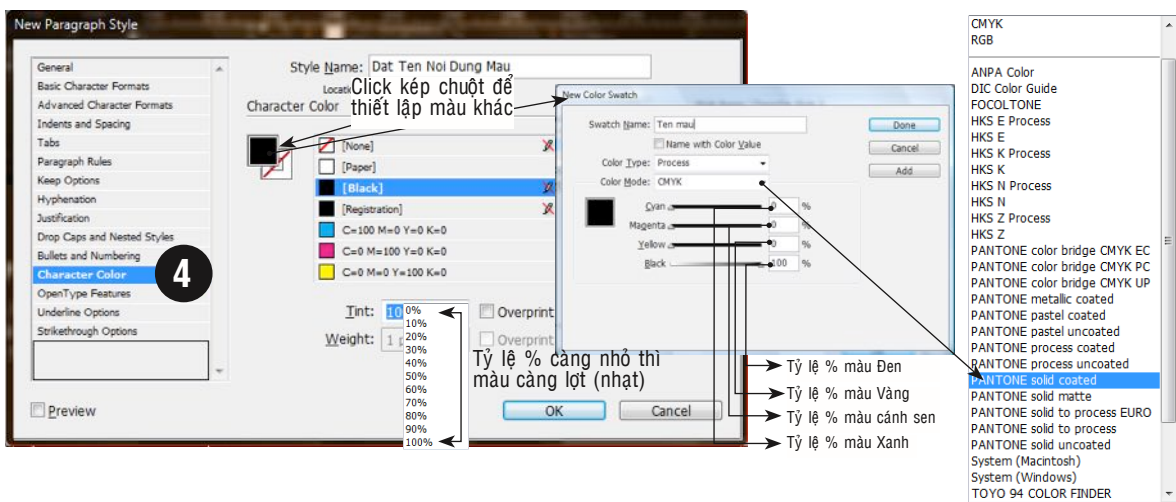
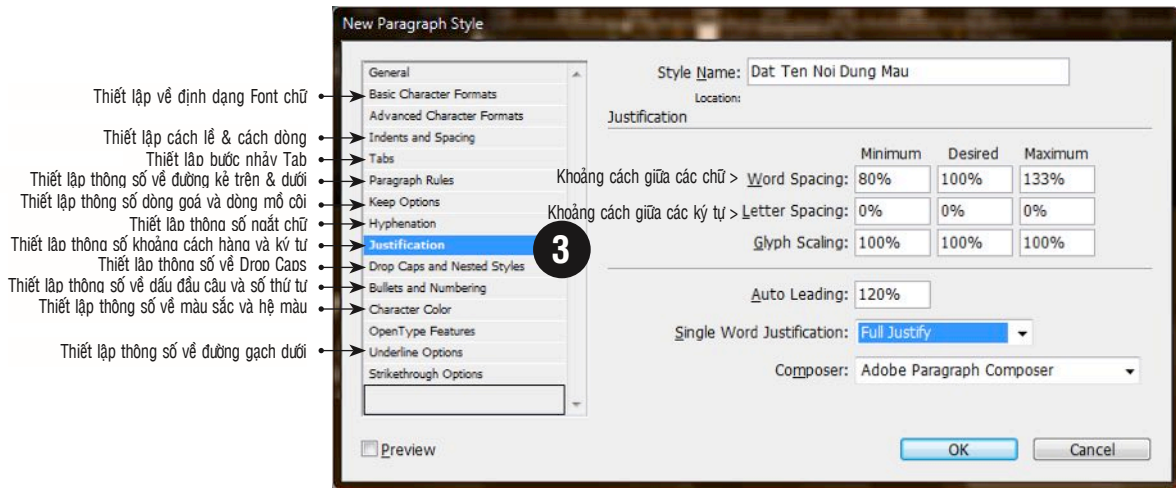
→ Thụt vào dòng cuối cùng

→ Cách đoạn sau

→ Chọn tùy chọn bắt dính vào đường lưới nền

Những người làm phim.	
Bảng các thủ pháp của mình, đã nâng nhân vật ấy lên một cung bậc khác bằng tình cách của anh ta.	Phim mới của Mr Bean không nhiều triết lý để tìm kiếm như thế, và thậm chí còn hư mớ nhạt về cả tình huống thế cũng là đủ để xem và cười một chút rồi.
Mr Bean đôi khi là một kẻ dõng, có thần kinh không bình thường và hay làm những điều kỳ quặc, vì anh ta hay quên, hay gán đổ, thỉnh thoảng tham lam, một kẻ không vãi và lâu cớ nhưng cũng có những ít những nét đáng yêu và tốt bụng khi làm việc thiện. Bean cũng giống như Bôm, Thực ra, Bôm có trước Bean. Bôm là Bean của Việt Nam.	Có một sự pha trộn giữa chất hài Pháp và những ảnh hưởng của phim những năm 1960 ở đoạn cuối phim, khi Cannes hiện lên thật đẹp để với bài hát La Mer (biển) của Charles Trenet trên nền nhạc. Những Bean trước đây chẳng bao giờ lãng mạn thế này. Nhưng có ai cảm một người làm được lãng mạn đâu?
Mr. Bean's Holiday (Kỳ nghỉ của Ngòi Bean) là một phim đáng xem. Nó là phim nhựa và mức độ các hành động gây cười của Bean không đậm đặc trong một khoảng thời gian ngắn như các serie truyền hình trước, mà trải dài ra theo quá trình. Vẫn là Bean như thế.	

Những người làm phim.	
Bảng các thủ pháp của mình, đã nâng nhân vật ấy lên một cung bậc khác bằng tình cách của anh ta.	Phim mới của Mr Bean không nhiều triết lý để tìm kiếm như thế, và thậm chí còn hơi mớ nhạt về cả tình huống thế cũng là đủ để xem và cười một chút rồi.
Mr Bean đôi khi là một kẻ dõng, có thần kinh không bình thường và hay làm những điều kỳ quặc, vì anh ta hay quên, hay gán đổ, thỉnh thoảng tham lam, một kẻ không vãi và lâu cớ nhưng cũng có những ít những nét đáng yêu và tốt bụng khi làm việc thiện. Bean cũng giống như Bôm, Thực ra, Bôm có trước Bean. Bôm là Bean của Việt Nam.	Có một sự pha trộn giữa chất hài Pháp và những ảnh hưởng của phim những năm 1960 ở đoạn cuối phim, khi Cannes hiện lên thật đẹp để với bài hát La Mer (biển) của Charles Trenet trên nền nhạc. Những Bean trước đây chẳng bao giờ lãng mạn thế này. Nhưng có ai cảm một người làm được lãng mạn đâu?
Mr. Bean's Holiday (Kỳ nghỉ của Ngòi Bean) là một phim đáng xem. Nó là phim nhựa và mức độ các hành động gây cười của Bean không đậm đặc trong một khoảng thời gian ngắn như các serie truyền hình trước, mà trải dài ra theo quá trình. Vẫn là Bean như thế.	

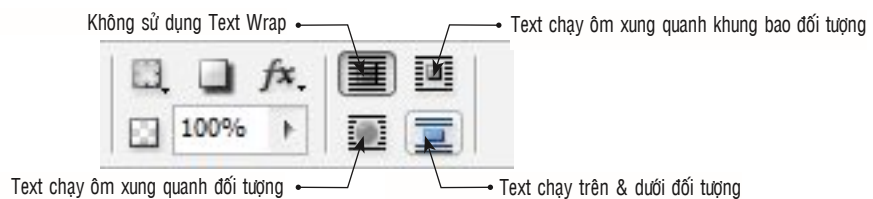


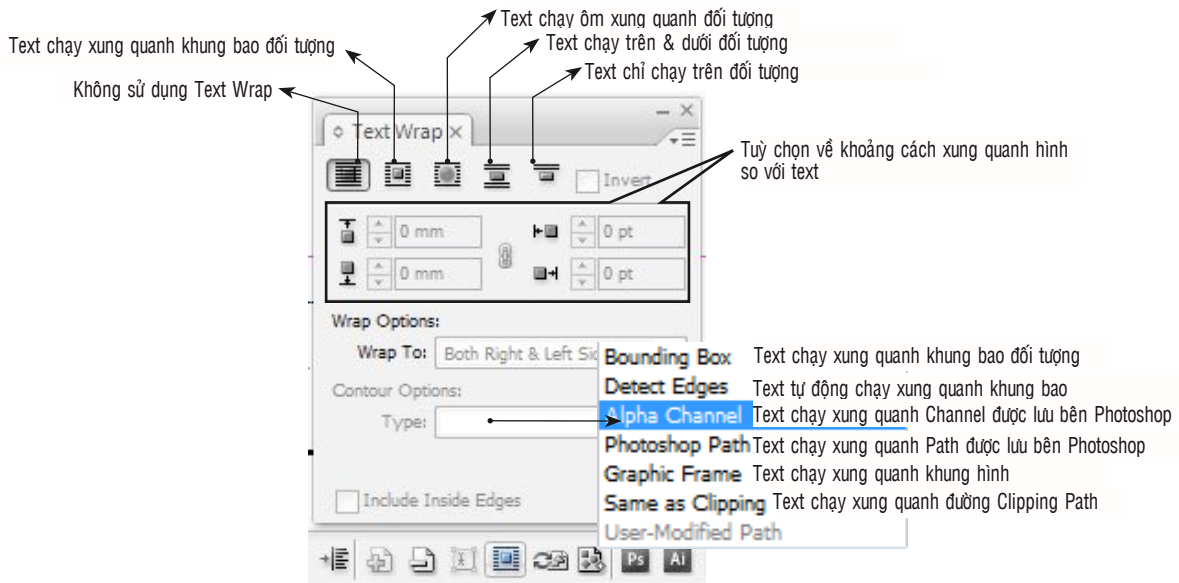
### Chú ý:

Nếu ta sử dụng định dạng mẫu Character Style hoặc Paragraph Style, sau đó ta thay đổi màu sắc hay tác thiết lập khác từ thanh Control mà không thay đổi trong Paragraph Style hay Character Style, thì các thiết lập đó sẽ đè (Override) các định dạng mẫu, và mẫu được thay đổi bây giờ sẽ không còn liên kết với Style trong Paragraph Style hay Character Style nữa. Nếu muốn giữ nguyên sự liên kết với Style mẫu ban đầu ta phải vào Menu con của Paragraph Style hay Character Style và chọn lệnh Clear Overrides. Hoặc ta có thể nhấn phím Alt + Click chuột vào Paragraph Style hay Character Style để trừ các thay đổi từ bên ngoài.

## 12. Text Wrap ( Ctrl + Alt + W)

Lệnh Text Wrap dùng để thiết lập cho văn bản chạy xung quanh đường biên của một hình ảnh bình thường, hay hình ảnh được vẽ Path hoặc lưu vùng chọn Channel trong Photoshop và lưu lại với định dạng Tiff kèm theo Path & Channel. Ta có thể sử dụng Text Wrap trên thanh Control, trong Text Warp Palette hoặc Window > Object & layout > Command Bar





### KỶ NGHĨ CỦA MR. BEAN

(Đây là bộ phim hài của điện ảnh Mỹ. Phim với sự tham gia góp mặt của những diễn viên nổi danh như: Rowan Atkinson, Willem Dafoe, Emme De Caunes, Jean Rochefort.

Nội dung phim là động gây cười của của mình. Kỳ nghỉ nước Pháp xinh đẹp là kết quả thắng cuộc trong nhà thờ.

Để có một chuyến đi hào hùng đường. Ngài Bean bên mình chiếc tất cả những hình kỳ nghỉ trở nên vẻ Bean lên con tàu đây, tiếng Pháp trở cho Bean, ngay cả tàu đi về miền Nam nước Pháp. Trong hành trình, Bean đã gặp Emil, một đạo diễn người Nga đang trên đường đến lên hoan phim Cannes nhưng rồi sau đó Emil bị bỏ lại phía sau.



một chuỗi những hành Mr. Bean trong kỳ nghỉ này của Mr. Bean đến đẹp là kết quả thắng cuộc trở chơi số trước đó ở

đi đây lý thú, Mr. Bean chuẩn bị hành trang lên không quên đem theo máy quay để thu lại ảnh trong chuyến đi. Và cũng hấp dẫn khi Mr Eurostar đến Paris. Giờ thành một rào cản lớn khi gọi món ăn và tìm một đạo diễn người đến liên hoan phim Cannes nhưng rồi sau đó Emil bị bỏ lại phía sau.

Text chạy xung quanh khung bao đối tượng

### KỶ NGHĨ CỦA MR. BEAN

(Đây là bộ phim hài của điện ảnh Mỹ. Phim với sự tham gia góp mặt của những diễn viên nổi danh như: Rowan Atkinson, Willem Dafoe, Emme De Caunes, Jean Rochefort.

Nội dung phim là một chuỗi những hành động gây cười của Mr. Bean trong kỳ nghỉ này của Mr. Bean đến đẹp là kết quả thắng cuộc trở chơi số trước đó ở

Để có một chuyến đi đây lý thú, Mr. Bean chuẩn bị hành trang lên không quên đem theo máy quay để thu lại ảnh trong chuyến đi. Và cũng hấp dẫn khi Mr Eurostar đến Paris. Giờ thành một rào cản lớn khi gọi món ăn và tìm một đạo diễn người đến liên hoan phim Cannes nhưng rồi sau đó Emil bị bỏ lại phía sau.



B e a n cuộc trong nhà thờ.

thứ, Mr. Bean đã hào hùng đường. Ngài Bean không chiếc máy quay để thu lại chuyến đi. Và kỳ nghỉ trở Bean lên con tàu Eurostar trở thành một rào cản lớn khi gọi món ăn và Nam nước Pháp. Bean đã gặp Emil, Nga đang trên đường đến liên hoan phim Cannes nhưng rồi sau đó Emil bị bỏ lại phía sau.

Không còn cách nào khác Mr.Bean phải tiếp tục lên đường với chiếc máy quay và cố gắng làm quen và dỗ dành đứa con trai nhỏ bé Stepan của đạo diễn

Text chạy ôm xung quanh đối tượng

### KỶ NGHĨ CỦA MR. BEAN

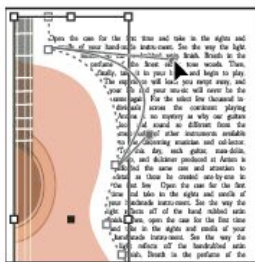
(Đây là bộ phim hài của điện ảnh Mỹ. Phim với sự tham gia góp mặt của những diễn viên nổi danh như: Rowan Atkinson, Willem Dafoe, Emme De Caunes, Jean Rochefort.

Nội dung phim là một chuỗi những hành động gây cười của Mr. Bean trong kỳ nghỉ này của Mr. Bean đến đẹp là kết quả thắng cuộc trở chơi số trước đó ở nhà thờ.

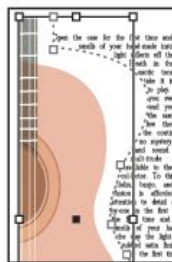


Không còn cách nào khác Mr.Bean phải tiếp tục lên đường với chiếc máy quay và cố gắng làm quen và dỗ dành đứa con trai nhỏ bé Stepan của đạo diễn trong suốt chuyến đi.

Text chạy trên & dưới đối tượng



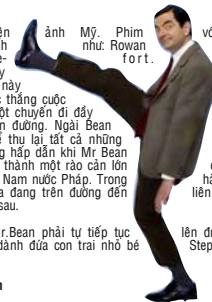
Text chạy xung quanh khung bao Clipping Path



### KỶ NGHĨ CỦA MR. BEAN

(Đây là bộ phim hài của điện ảnh Mỹ. Phim với sự tham gia góp mặt của những diễn viên nổi danh như: Rowan Atkinson, Willem Dafoe, Emme De Caunes, Jean Rochefort.

Nội dung phim là một chuỗi những hành động gây cười của Mr. Bean trong kỳ nghỉ này của Mr. Bean đến đẹp là kết quả thắng cuộc trở chơi số trước đó ở nhà thờ. Để có một chuyến đi đây lý thú, Mr. Bean đã hào hùng đường. Ngài Bean không chiếc máy quay để thu lại chuyến đi. Và kỳ nghỉ trở Bean lên con tàu Eurostar trở thành một rào cản lớn khi gọi món ăn và tìm tày đi về miền Nam nước Pháp. Trong hành trình, Bean đã gặp Emil, một đạo diễn người Nga đang trên đường đến liên hoan phim Cannes nhưng rồi sau đó Emil bị bỏ lại phía sau.



với sự tham gia góp mặt của những diễn viên nổi danh như: Rowan Atkinson, Willem Dafoe, Emme De Caunes, Jean Rochefort. Nội dung phim là một chuỗi những hành động gây cười của Mr. Bean trong kỳ nghỉ này của Mr. Bean đến đẹp là kết quả thắng cuộc trở chơi số trước đó ở nhà thờ. Để có một chuyến đi đây lý thú, Mr. Bean đã hào hùng đường. Ngài Bean không chiếc máy quay để thu lại chuyến đi. Và kỳ nghỉ trở Bean lên con tàu Eurostar trở thành một rào cản lớn khi gọi món ăn và tìm tày đi về miền Nam nước Pháp. Trong hành trình, Bean đã gặp Emil, một đạo diễn người Nga đang trên đường đến liên hoan phim Cannes nhưng rồi sau đó Emil bị bỏ lại phía sau.

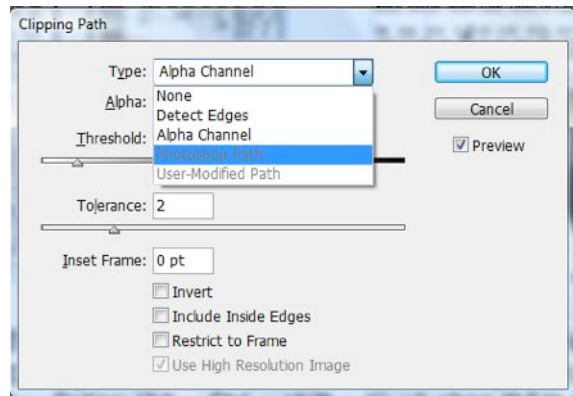
Không còn cách nào khác Mr.Bean phải tiếp tục lên đường với chiếc máy quay và cố gắng làm quen và dỗ dành đứa con trai nhỏ bé Stepan của đạo diễn trong suốt chuyến đi.

Duy Tuấn - Sức Trẻ Việt Nam

Text chạy xung quanh khung bao Channel kèm theo của Photoshop

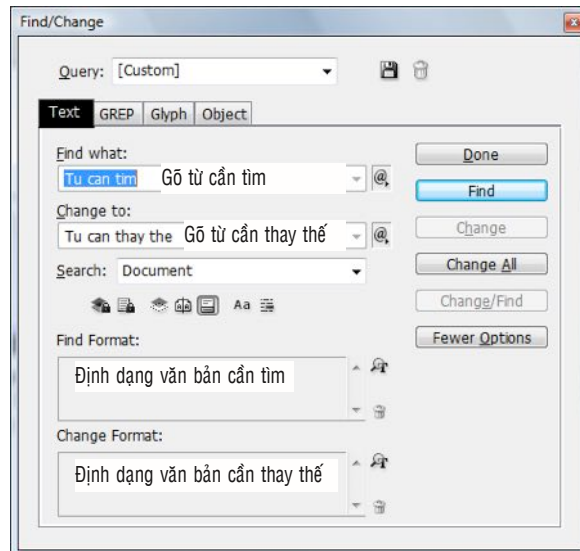
### Chú ý:

Đối với các khung Path và Channel được lưu cùng với File Tiff trong Photoshop khi nhập vào InDesign và chọn chức năng Text Wrap ta phải thiết lập thêm tùy chọn bằng cách vào **Menu Object > Clipping Path > Option (Alt + Ctrl + shift + K)** và chọn thêm tùy chọn **Alpha Channel** hay **Photoshop Path**



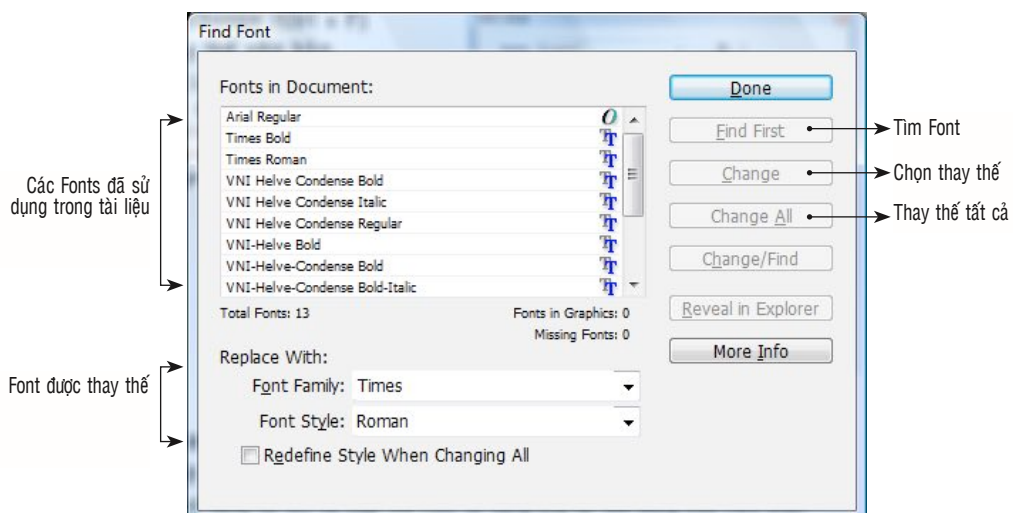
### 13. Find / Change (Ctrl + F) Tìm & Thay thế văn bản

Lệnh Find / Change dùng để tìm và thay thế từ hoặc định dạng văn bản bằng một từ và định dạng văn bản khác. Muốn dùng lệnh **Find / Change** ta vào **Menu Edit** chọn lệnh **Find / Change (Ctrl + F)**



### 14. Find Font Tìm & Thay thế Font

Lệnh Find Font dùng để tìm và thay thế Font sử dụng cho tài liệu bằng một Font khác. Muốn chọn lệnh Find Font ta chọn **Menu Type > Find Font**



### 15. Create Outline (Ctrl + shift + O) Convert chữ sang Vector

Lệnh Create Outline dùng để gỡ bỏ thuộc tính chữ và chuyển chữ thành đối tượng Vector để ta có thể chỉnh sửa lại hình dáng của chữ theo ý tưởng thiết kế của mình. Muốn sử dụng lệnh Create Outline ta vào **Menu Type > Create Outline**





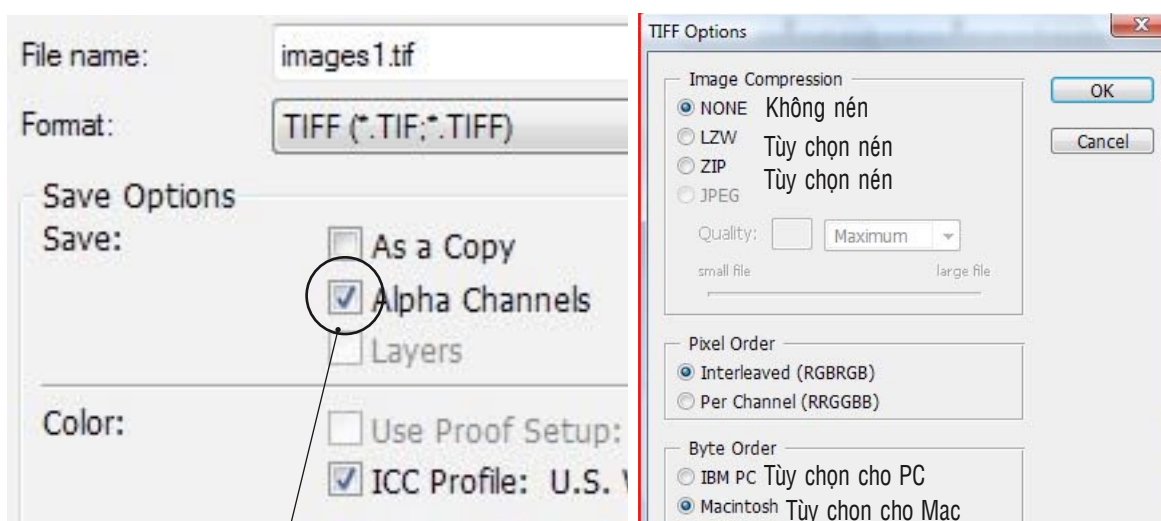
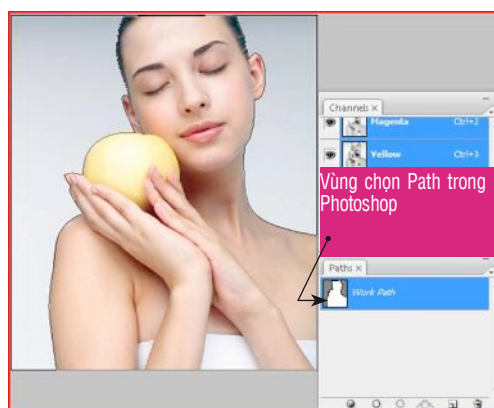
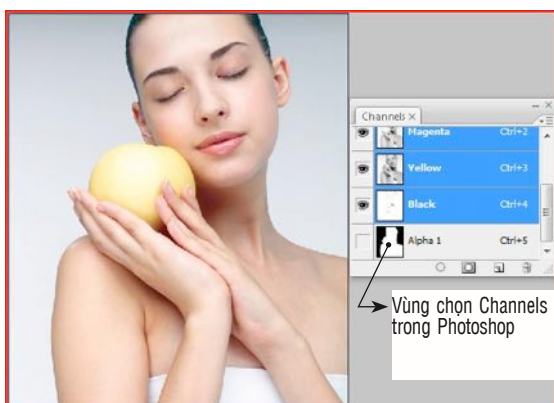
# THAO TÁC VỚI HÌNH ẢNH

## 1- Định dạng hình ảnh cho in ấn Offset

Mặc dù Indesign hỗ trợ rất nhiều định dạng ảnh như Jpeg, Tift, WMF, PDF, EPS, AI... nhưng để đảm bảo chất lượng về hình ảnh trong in ấn thông thường người ta thường sử dụng định dạng \*.Tift cho hình ảnh với hệ màu là CMYK hoặc ảnh thang độ xám Grayscale, hoặc đen trắng dạng Bitmap. Đối với hình ảnh dạng thang độ xám Grayscale hoặc ảnh đen trắng dạng Bitmap ta có thể đổ màu cho hình ảnh trong Indesign dạng màu Spot. Ngoài dạng hình ảnh Bitmap dạng Pixel trong Indesign cũng hỗ trợ dạng file vector dạng AI, EPS, PDF, WMF... nhưng file ảnh vector thường sử dụng là \*PDF hoặc \*.EPS cho dạng file hình ảnh có kèm theo vector được chuyển từ CorelDraw hoặc Adobe Illustrator để Place vào Adobe Indesign.

## 2- Tạo vùng Path hoặc vùng chọn Channel cho hình ảnh trong Photoshop

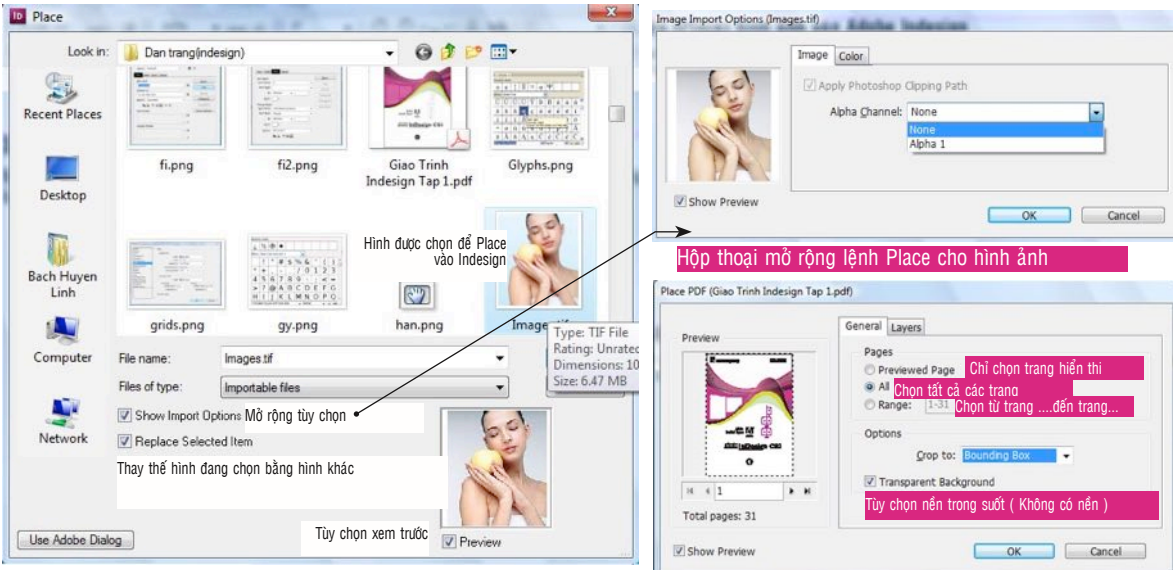
Muốn tạo đường Path hoặc vùng chọn Channel chạy bao quanh hình ảnh ta có thể tạo chúng ngay trong quá trình chỉnh sửa hình ảnh trong Adobe Photoshop sau đó lưu lại định dạng \*.Tift với hệ màu CMYK. Đường Path hay vùng chọn Channel trong Adobe Photoshop sẽ được lưu lại để dùng làm vùng Clipping Path cho vùng text trong Indesign.



Khi ta tạo vùng chọn Path hoặc Channels trong Photoshop thì khi lưu lại định dạng \*.Tift thì tùy chọn Alpha Channel sẽ được chọn mặc định

### 3- Nhập (Place) hình ảnh vào Adobe Indesign

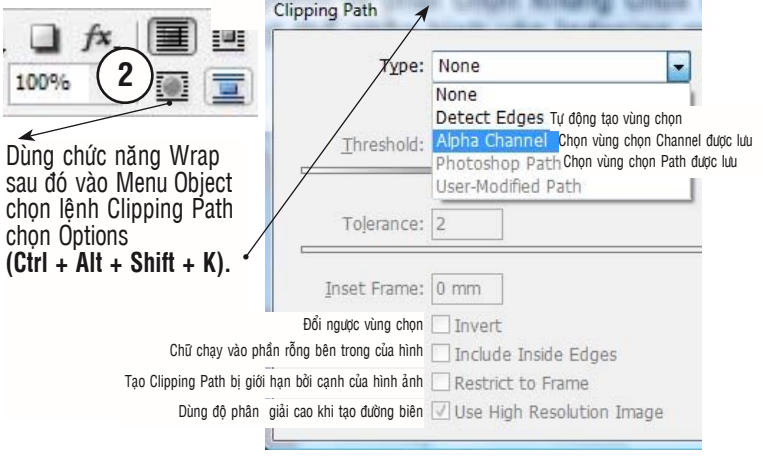
Nếu như trong QuarkXpress ta phải chọn khung chứa hình thì mới có thể chứa hình, trong Adobe Indesign thì ta có thể nhập hình vào Indesign một cách tự do hơn.



Hộp thoại mở rộng lệnh Place cho tài liệu nhiều trang như file \*. PDF...



Hình được Place vào Indesign



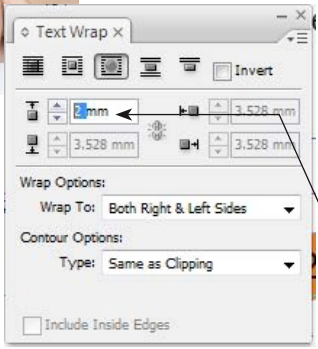
Dùng chức năng Wrap sau đó vào Menu Object chọn lệnh Clipping Path chọn Options (Ctrl + Alt + Shift + K).



Hình không dùng Alpha Channel hoặc Path



Hình dùng Alpha Channel hoặc Path, text sẽ chạy xung quang.



Muốn chỉnh lại khoảng cách của text và hình ta chọn Text Wrap trên thanh Command Bar

## 4- Chế độ hiển thị hình ảnh trong Adobe Indesign

Mặc định Indesign hiển thị hình ảnh ở độ phân giải thấp, cho nên khi chúng ta Place hình ảnh dạng vector với định dạng \*.EPS, \*.PDF... với chất lượng hiển thị rất xấu. Tuy nhiên chúng ta đừng có quá lo lắng vì để giải quyết ưu tiên cho tốc độ hiển thị Indesign hiển thị độ phân giải thấp, chúng ta có thể thiết lập lại chế độ hiển thị bằng cách vào menu View chọn lệnh Display Performance.

<input type="checkbox"/>	Fast Display	Alt+Shift+Ctrl+Z	Hiển thị hình ảnh dưới dạng khung màu x
<input checked="" type="checkbox"/>	Typical Display	Alt+Ctrl+Z	Hiển thị hình ảnh ở độ phân giải thấp
<input type="checkbox"/>	High Quality Display	Alt+Ctrl+H	Hiển thị hình ảnh ở độ phân giải cao
<input checked="" type="checkbox"/>	Allow Object-Level Display Settings		
	Clear Object-Level Display Settings		

Ngoài ra ta có thể điều chỉnh lại chế độ hiển thị Display View bằng cách vào Menu Edit chọn Preferences > Display Performance

**Gray Out:** Hiển thị hình ảnh dưới dạng khung màu xám

**Proxy:** Hiển thị hình ảnh ở độ phân giải 72 DPI

**High Resolution:** Hiển thị hình ảnh ở độ phân giải cao

**Gray Out:** Hiển thị hình ảnh vector dưới dạng khung màu xám

**Proxy:** Hiển thị hình ảnh vector ở độ phân giải 72 DPI

**High Resolution:** Hiển thị hình ảnh vector ở độ phân giải cao

Tùy chọn Hiển thị hình ảnh cho các hiệu ứng

Hiển thị bằng những dòng kẻ cho co chữ nhỏ hơn 7pt

Dạng hiển thị hình khi dùng công cụ Hand di chuyển trang tài liệu

**Better:** Hiển thị hình ảnh độ phân giải cao khi cuộn trang

**Greek Images:** Hiển thị hình ảnh màu xám khi cuộn trang

**Higher Quality:** Hiển thị hình ảnh bình thường khi cuộn trang

## 5- Hình ảnh và khung chứa trong Adobe Indesign

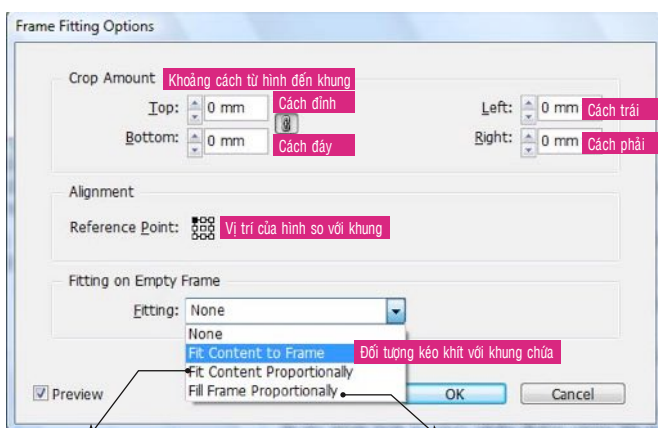
Khi Place hình vào Adobe Indesign khi tăng hoặc giảm kích thước hình ảnh ta phải nhấn thêm phím Shift để duy trì tỷ lệ của hình.

Fit Content to Frame	Alt+Ctrl+E	Kéo hình cho khít với khung chứa, hình sẽ bị biến dạng
Fit Frame to Content	Alt+Ctrl+C	Kéo khung chứa vừa khít với hình
Center Content	Shift+Ctrl+E	Hình ảnh canh giữa khung
Fit Content Proportionally	Alt+Shift+Ctrl+E	Kéo hình ảnh cho khít với chiều cao khung và giữ đúng tỷ lệ ngang và dọc
Fill Frame Proportionally	Alt+Shift+Ctrl+C	Kéo hình ảnh cho khít với chiều ngang khung và giữ đúng tỷ lệ ngang và dọc
Frame Fitting Options...		Thiết lập thuộc tính cho khung chứa

Khi ta Place hình ảnh vào Indesign thì hình ảnh được chứa trong một khung bao (Bounding box). Nếu ta dùng công cụ Selection Tool để di dời vị trí của hình và khung chứa, nhưng nếu ta dùng công cụ Direct Selection Tool để di chuyển thì chỉ di chuyển nội dung chứa bên trong khung mà thôi.

Ta cũng có thể dán một đối tượng được copy vào một khung được vẽ có hình dạng bất kỳ bằng cách chọn hình ảnh cần đặt vào khung sau đó chọn lệnh **Edit > Copy (Ctrl + C)** sau đó Click chuột chọn khung cần dán vào rồi vào Menu Edit chọn lệnh Paste Into hoặc nhấn tổ hợp phím **Ctrl + Alt + V**

## 7- Frame Fitting Options - Thiết lập thuộc tính cho khung chứa.



Khi Place hình vào khung chứa trong Adobe Indesign thì vị trí của hình sẽ nằm trong khung các thiết lập được định sẵn trong hộp thoại Frame Fitting Options.

Chú ý: ta có thể Click kép chuột vào các ô vuông ở các góc và các ô vuông ở giữa cạnh của khung bao ( Frame ) để cho Adobe Indesign tự động kéo dãn khung theo hình ở các giá trị tương ứng.

Hình kéo khít vào khung nhưng vẫn giữ tỷ lệ

hình lấp đầy khung nhưng vẫn giữ tỷ lệ



Click kép chuột vào các ô vuông ở giữa cạnh dùng để kéo khung chứa cho vừa khít với chiều ngang hay chiều dọc.

Click kép chuột vào các ô vuông ở các góc dùng để kéo khung chứa cho vừa khít với kích thước của hình.

Click kép chuột để khung bao tự động thay đổi cho khít với chiều ngang

Click kép chuột để khung bao tự động thay đổi cho khít với hình

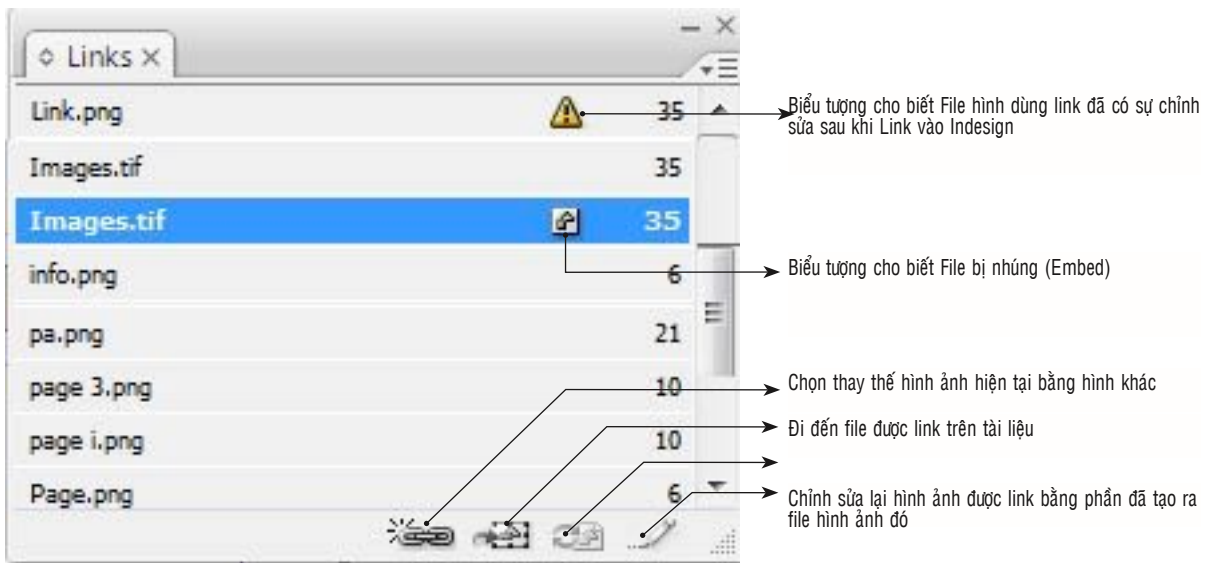
Click kép chuột để khung bao tự động thay đổi cho khít với chiều dọc của hình

## 8- Link (liên kết) và Embed (Nhúng) hình ảnh vào Adobe Indesign.

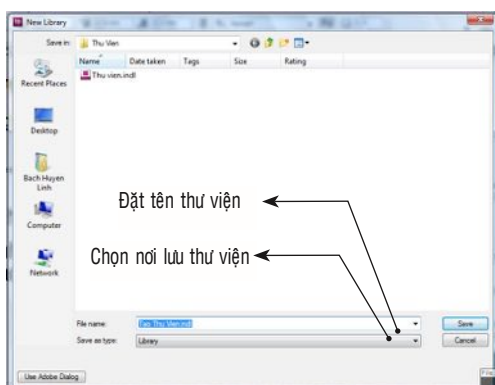
Trong Indesign khi ta nhập (Place) hình vào trang Layout mà không vẽ khung chứa, hoặc ta copy hình ảnh vào thì hình đó được nhúng vào dự án, nhược điểm của phương pháp này là hình ảnh sẽ không tự động cập nhật sự thay khi ta có sự chỉnh sửa hình, đồng thời dung lượng file sẽ to và tốc độ xử lý sẽ chậm

Nếu ta vẽ khung chứa hình và Place hình vào khung chứa thì hình ảnh đó sẽ được Link (liên kết) với hình ảnh gốc, mọi sự thay đổi đến hình ảnh gốc từ phần mềm chỉnh sửa ảnh sẽ ảnh hưởng đến file được Place trên trang layout. Khi chúng ta dùng Link thì hình ảnh hiển thị trên trang layout của chúng ta là hình ảnh tạm mà thôi, khi in ấn hay xuất Film thì chương trình sẽ tải file gốc trong thư mục để in cho nên các hình ảnh được Link vào trang ta phải chéo kèm theo file để tránh tình trạng thiếu file liên kết.

Chúng ta có thể kiểm tra các hình ảnh nào được nhúng hoặc Link vào trạng layout trong adobe Indesign bằng cách vào Menu Window chọn lệnh Link hoặc nhấn tổ hợp phím **(Ctrl + Shift + D)**



## 9 - Tạo thư viện hình

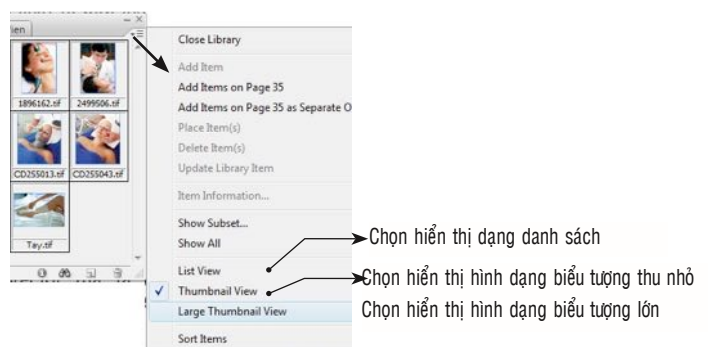


Đối với những dự án layout có nhiều hình, để thuận lợi hơn trong công việc Layout chúng ta nên tạo thư viện hình (Library). Thư viện hình không phải chỉ có chứa hình mà có thể chứa các đối tượng vector hoặc một số đối tượng khác.

Muốn tạo thư viện hình ta vào Menu File, chọn New và chọn lệnh Library sau đó đặt tên cho thư viện rồi chọn và tạo thư mục lưu thư viện, để thuận tiện và tránh sơ xuất ta nên lưu thư viện nằm trong thư mục chứa các file phục vụ cho dự án Layout của mình.



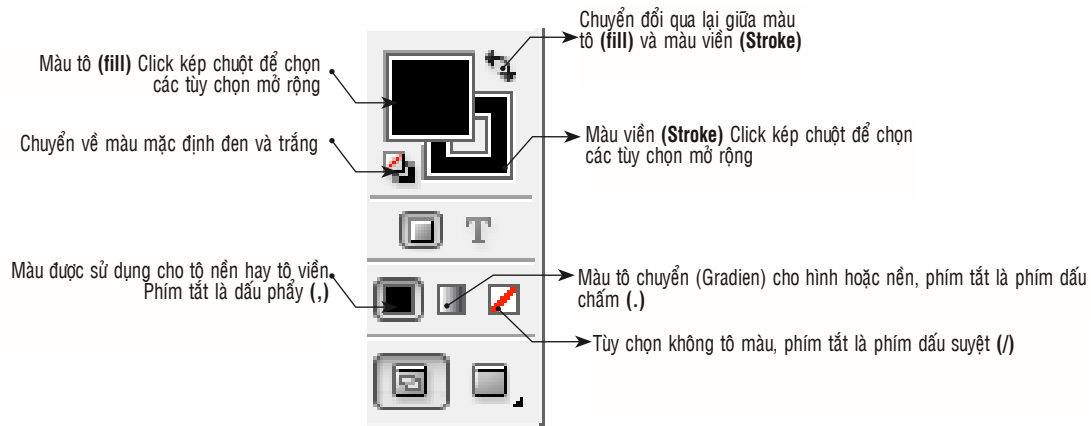
Sau khi đặt tên thư viện xong ta dùng lệnh Place để nhập các hình ảnh mà ta cần sử dụng cho dự án Layout của mình vào trong Indesign sau đó Click giữ chuột và kéo thả vào thư viện (Library). Tiếp theo ta có thể xóa những hình ảnh hoặc Vector mà ta đã nhập vào vùng tạm trên Adobe Indesign.



# MÀU SẮC TRONG INDESIGN

## 1- Thuộc tính màu

Mỗi một đối tượng được tạo ra trong InDesign bao gồm hai phần màu to nền (**Fill**) và màu cho đường viền (**Stroke**). Và các tùy chọn này được quản lý bởi các tùy chọn của Palette và công cụ tương ứng.



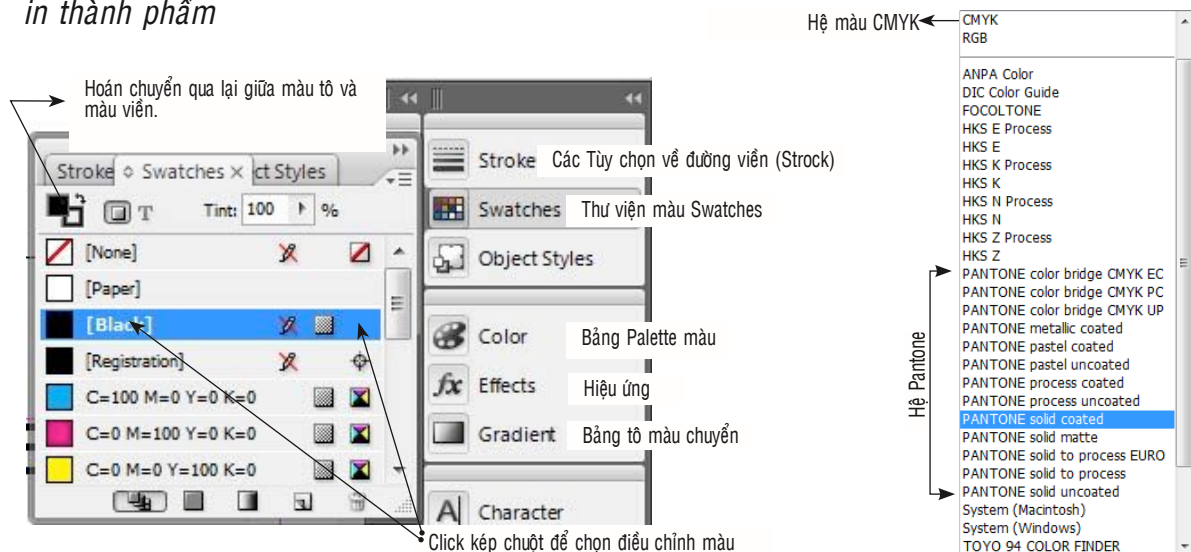
## 2- Tô màu cho đối tượng

InDesign có thể tô màu tất cả các đối tượng được tạo ra trong Adobe InDesign, và một số đối tượng dạng hình ảnh thang độ xám và ảnh bitmap được biên tập từ Adobe Photoshop.

Để tô màu cho đối tượng ta Click chuột chọn đối tượng và Click kép chuột vào màu tô trong hộp công cụ hoặc chọn màu trong bảng Swatches Palette, hay chọn màu trực tiếp từ Color Palette (**F6**). Và điều chỉnh các thanh trượt tương ứng để tăng hoặc giảm màu hay nhập thông số trực tiếp vào các ô màu tương ứng nếu chúng ta biết chính xác về thông số màu cần tô.

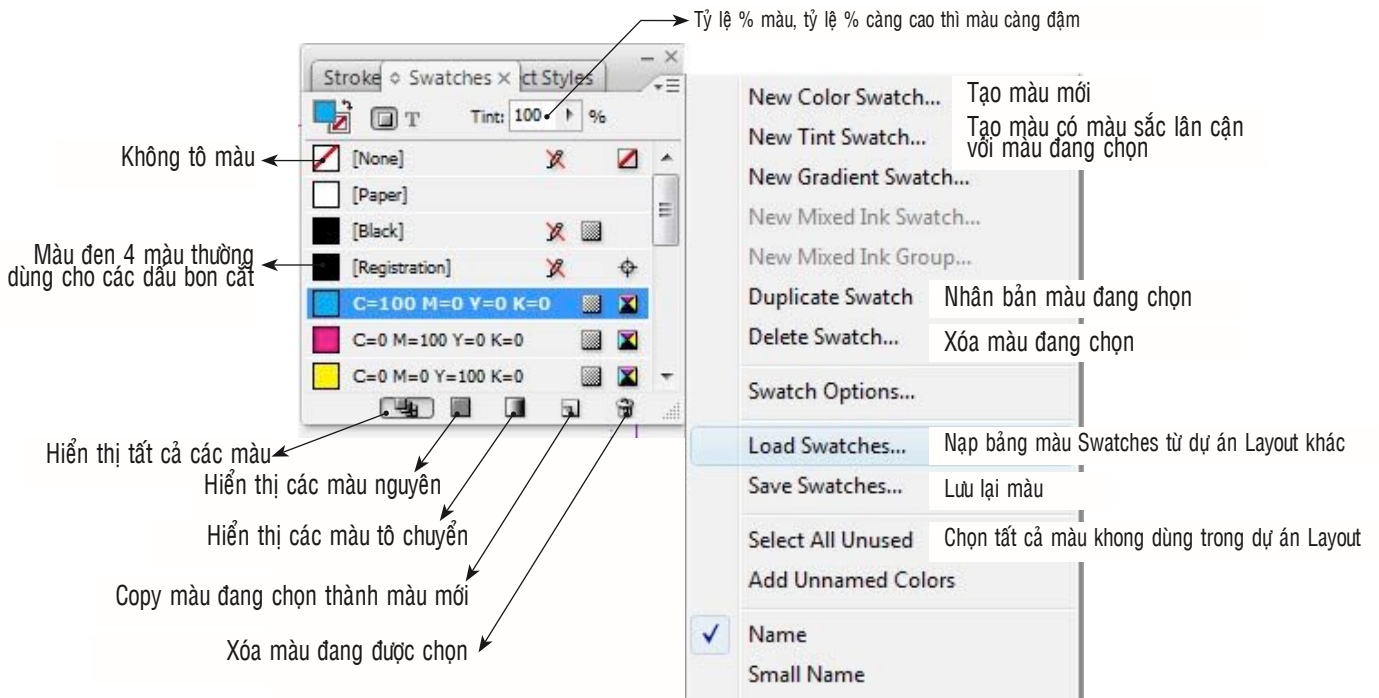
**Chú ý:** Màu trong in ấn dùng hai dạng màu chính là hệ màu CMYK hoặc màu Spot dạng Pantone. Trong hệ màu pha Pantone có hai dạng chính là màu Pantone Coated dùng cho in giấy láng và Uncoated dùng để in trên giấy không láng.

-Đối với text có màu đen ta phải tô màu đen ( $C = 0, M = 0, Y = 0, K = 100$ ) chứ không dùng đen ( $C = 100, M = 100, Y = 100, K = 100$ ), màu đen này chỉ dùng chủ yếu cho các bon cắt nếu dùng cho tô văn bản sẽ dễ dẫn đến bị lẹ màu (bóng ma) cho văn bản khi in thành phẩm

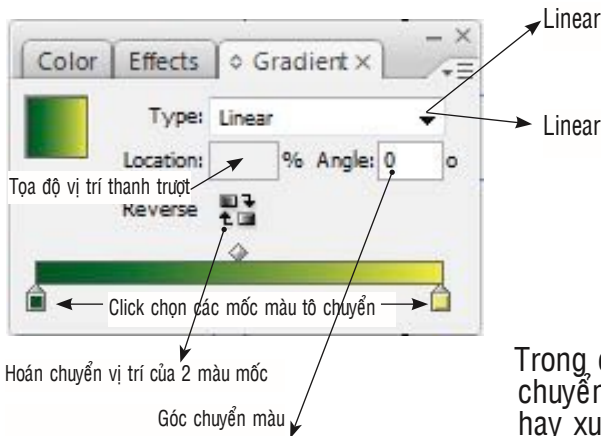


### 3 - Swatches (F5)

Bảng Swatches gồm một số màu nguyên có sẵn, ta có thể tạo thêm màu từ mẫu màu có sẵn, hoặc nạp bảng màu từ dự án Layout khác vào trong bảng Swatches hiện tại.



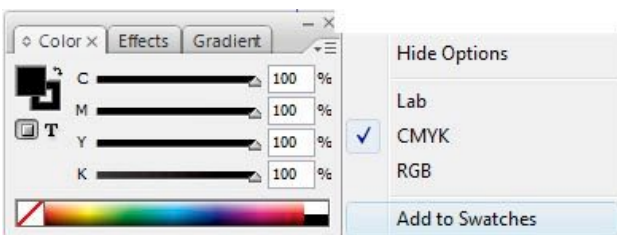
### 4 - Màu tô chuyển Gradient




Muốn chọn tô màu chuyển ta vào Menu Window chọn Gradient, mặc định Indesign sẽ tô chuyển từ màu đen sang màu trắng nếu ta sử dụng lần đầu tiên. Tuy nhiên nếu ta đã sử dụng màu tô chuyển nào đó để tô cho đối tượng thì ở các lần sử dụng sau Indesign sẽ lấy mẫu màu mới đó làm màu mặc định.

Trong chế độ tô chuyển Indesign chỉ có hai dạng tô chuyển là tô trực tiếp (**Linear**) và tô dạng tỏa tròn hay xuyên tâm (**Radial**). Muốn đổi màu tô ta Click chuột vào các ô vuông trên dây tô chuyển sắc rồi trở về Palette Color kéo thanh trượt để điều chỉnh màu hoặc nhập thông số màu trực tiếp.

Nếu dây tô chuyển Gradient có màu đen mặc định thì khi chọn màu tô trên Palette Color ta Click chuột vào biểu tượng tam giác ở góc trên bên phải Color Palette và chọn hệ màu CMYK lần lượt cho các ô màu tương ứng trên thanh trượt của Gradient Palette.



Ta cũng có thể chọn màu cho các mốc tô chuyển bằng cách chọn mốc tô chuyển sau đó dùng công cụ lấy mẫu màu  rồi nhấn phím Alt Click vào bất cứ mẫu màu nào cần chọn trên color Palette hoặc từ các màu trên màn hình.

## 5- Tô màu cho hình ảnh Bitmap và Grayscale

Trong InDesign ta có thể đổ màu cho hình ảnh thang độ xám (grayscale) và hình ảnh đen trắng dạng Bitmap. Muốn đổ màu cho hình thang độ xám hoặc hình Bitmap ta chọn hình cần đổ màu sau đó chọn màu cần đổ trong color Palette.



Hình Grayscale được đổ màu      Hình Bitmap được đổ màu

Thông thường phương pháp đổ màu cho hình thường dùng trong kỹ thuật in màu pha dạng Spot bằng Pantone, chúng ta gặp hình thức in này qua các dạng báo như Mục Tím với các trang minh họa hình hoặc hình chụp chỉ có một màu Tím xuyên suốt, hay một số báo và tạp chí giáo dục...

## 5 - Đường viền (Stroke)



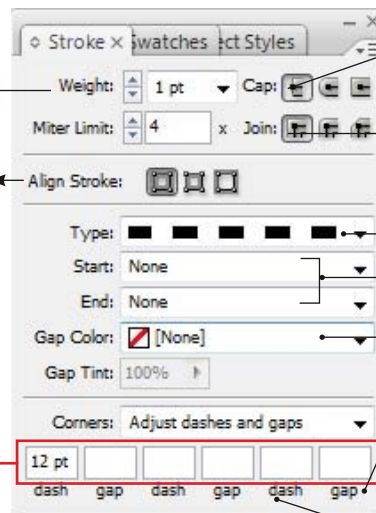
Đưa chuột click vào biểu tượng Stroke để đưa Stroke lên trên.

Độ dày của đường viền

Các dạng bố trí của Stroke

Định dạng cho đường ngắt quãng

Muốn chọn tô màu tô cho đường viền (Stroke) ta phải Click chuột vào biểu tượng Stroke trên hộp công cụ để chuyển Stroke lên trên sau đó mới chọn màu cho Stroke. Cách chọn màu cho Stroke cũng giống như chọn màu tô



Các dạng điểm đầu hay cuối của Stroke

Các dạng góc của Stroke

Các dạng đường stroke

Các dạng hình mũi tên cho đường Stroke

Màu của các mảng hở của đường Stroke ngắt quãng

Gap xác định độ dài khoảng hở của đường Stroke ngắt quãng

dash xác định độ dài khoảng hở của đường Stroke ngắt quãng

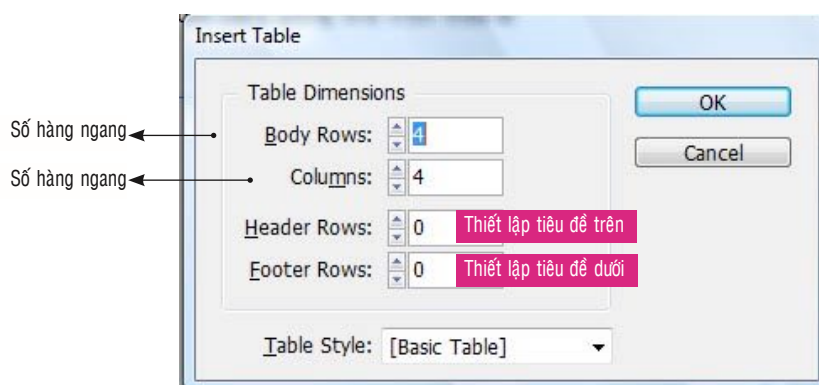


# BẢNG BIỂU (TABLE)

Table là một bảng gồm có các ô được kẻ theo hàng ngang và cột dọc, trong đó mỗi ô là một khung nhập liệu văn bản. Ta có thể thêm hàng, cột cho các khung riêng biệt và tất nhiên là có thể nhập liệu văn bản.

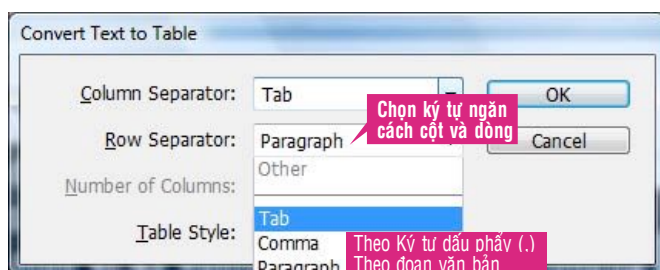
## 1 - Tạo Table

Muốn tạo một Table ta dùng công cụ nhập liệu văn bản và vẽ một khung văn bản sau đó vào **Menu Table > Insert Table (Ctrl + Alt + Shift +T)**



## 2- Tạo Table từ đoạn văn bản có sẵn

Muốn tạo Table từ đoạn văn bản có sẵn ta Click kép chuột vào đoạn văn bản để đánh khối chọn đoạn văn bản cần chuyển đổi sang Table, sau đó vào Menu Table chọn lệnh Convert Text to Table

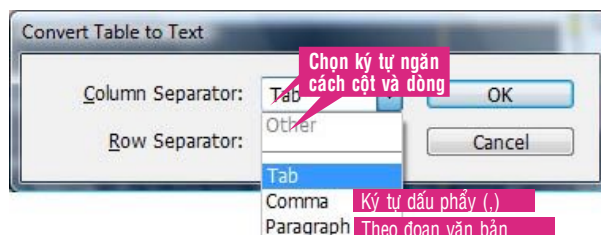


Muốn tạo Table từ đoạn văn bản có sẵn ta chọn đoạn văn bản cần chuyển đổi sang Table sau đó vào Menu Table chọn lệnh **Convert Text to Table**

## 3- Chuyển Table thành văn bản

Muốn chuyển Table thành văn bản ta chọn Table cần chuyển sau đó vào Menu Table chọn lệnh Convert Table To Text

<b>1- Tạo Table</b>
Muốn tạo một Table ta dùng công cụ nhập liệu văn bản và vẽ một khung văn bản sau đó vào <b>Menu Table &gt; Insert Table (Ctrl + Alt + Shift +T)</b>
<b>2- Tạo Table từ đoạn văn bản có sẵn</b>
Muốn tạo Table từ đoạn văn bản có sẵn ta Click kép chuột vào đoạn văn bản để đánh khối chọn đoạn văn bản cần chuyển đổi sang Table
<b>3- Chuyển Table thành văn bản</b>
Muốn chuyển Table thành văn bản ta chọn Table cần chuyển sau đó vào Menu Table chọn lệnh Convert Table To Text



Chọn Table cần chuyển sang text

## 4- Chọn dòng và cột trong Table

Muốn chuyển từ ô này sang ô khác trong Table ta nhấn phím **Tab**, Muốn trở về ô table trước ta nhấn phím **Shift + Tab**, hoặc ta có thể vào **Menu Table chọn lệnh Goto Row** và chọn dòng cần di chuyển đến.

Muốn chọn một ô trong Table ta Click chuột vào ô Table cần chọn sau đó vào **Table > Select > Cell**

Nhấn phím **Shift + [→]** để chọn thêm ký tự bên phải, Muốn chọn thêm ký tự dòng bên dưới nhấn phím **Shift + [↓]**

Để chọn nhiều ô ta nhấn và rê chuột dọc theo biên của ô Table

Muốn chọn toàn bộ dòng và cột ta dùng công cụ nhập liệu văn bản **T**, Click chuột vào bên trong bảng Table và chọn **Menu Table > Select > Column or Row**, hoặc di chuyển đến gần cạnh biên của dòng hoặc cột, khi đó con trỏ chuột sẽ chuyển thành biểu tượng mũi tên ↓ hoặc → và Click chuột để chọn toàn bộ hàng ngang hay cột dọc.

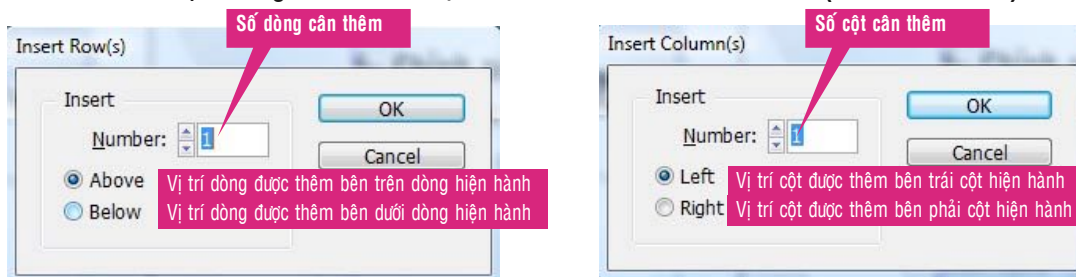
Muốn chọn toàn bộ Table ta dùng công cụ **T**, và Click vào bên trong bảng Table rồi vào **Menu Table > Select > Table**, hoặc di chuyển đến gần góc trên bên trái, khi đó con trỏ sẽ chuyển thành biểu tượng **☒** ta chỉ cần Click chuột để chọn toàn bộ Table.

## 5- Chỉnh sửa Table

### A- Thêm dòng và cột trong Table

Muốn thêm dòng cho Table ta đặt trỏ vào vị trí muốn thêm sau đó chọn **Menu Table > Insert > Row (Ctrl + 9)**.

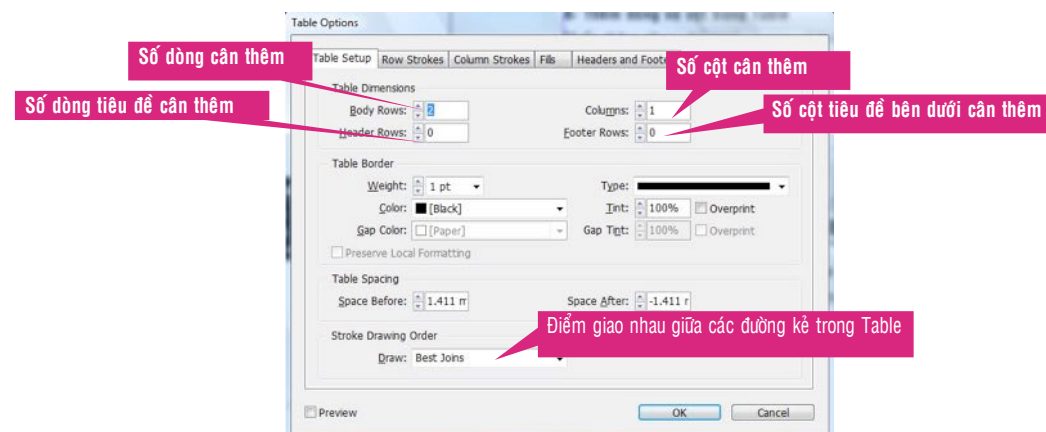
Muốn thêm cột trong Table ta chọn **Table > Insert > Column (Ctrl + Alt + 9)**



### B- Thêm nhiều dòng và cột trong Table

Muốn thêm nhiều dòng và cột cho Table ta **Menu Table > Table Options > Table Setup (Ctrl + Alt + Shift + B)**.

Muốn thêm cột trong Table ta chọn **Table > Insert > Column**



## C- Thêm hàng ngang và cột dọc bằng cách kéo và thả chuột

Ta có thể thêm hàng và cột bằng cách dùng công cụ **T**, sau đó di chuyển đến đường biên của cột hoặc dòng đến khi con trỏ chuột chuyển thành biểu tượng mũi tên hai đầu **↔** hoặc **↕** thì nhấn phím **Alt** rồi rê chuột để tạo thêm dòng hoặc cột.

## D- Xóa bớt dòng và cột

Muốn xóa bớt dòng và cột ta di chuyển chuột đến bên phải cột hoặc bên dưới dòng muốn xóa đến khi xuất hiện biểu tượng mũi tên hai đầu **↔** hoặc **↕** thì nhấn phím **Alt** rồi kéo chuột sang trái để xóa cột, nhấn **Alt** và kéo chuột lên trên để xóa dòng.

Ngoài ra ta cũng có thể xóa dòng bằng Menu lệnh bằng cách chọn dòng, cột hay Table muốn xóa rồi vào **Menu Table > Delette > Row (Ctrl + 3)** để xóa hàng ngang, hay ta chọn **Table > Delette > Columns (Ctrl + Alt + 3)** để xóa cột. Để xóa Table ta cũng vào Menu **Table > Delette > Table (Ctrl + Alt + A)**.

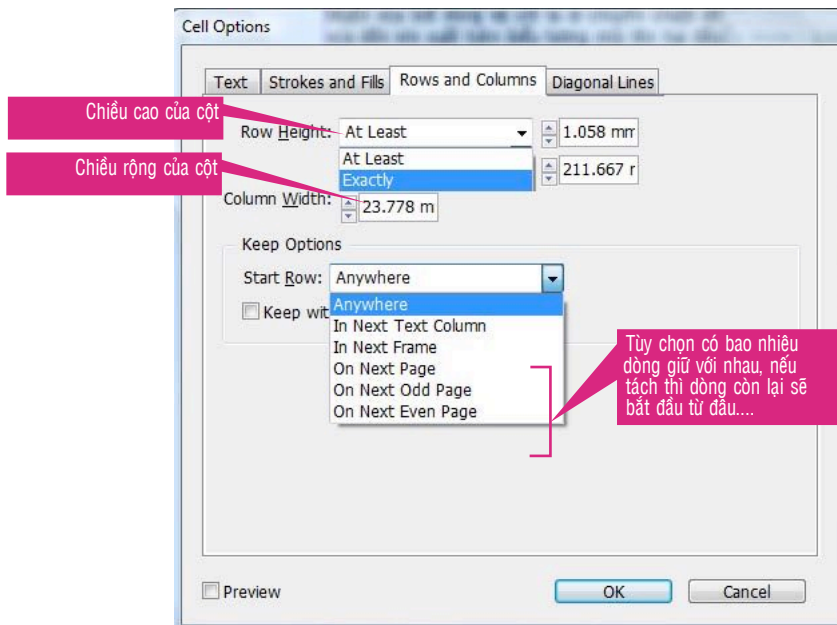
Hoặc ta cũng có thể xóa bớt dòng và cột bằng cách vào **Menu Table > Table Option > Table Setup (Ctrl + Alt + Shift + B)** rồi nhập số hàng ngang và cột dọc cần có vào hàng ô và cột đã thiết lập từ trước.

Muốn xóa nội dung trong ô ta chọn ô muốn xóa rồi nhấn phím **Delete** hay **Backspace** hay chọn Menu **Edit** chọn lệnh **Clear**.

## 6 - Định dạng Table

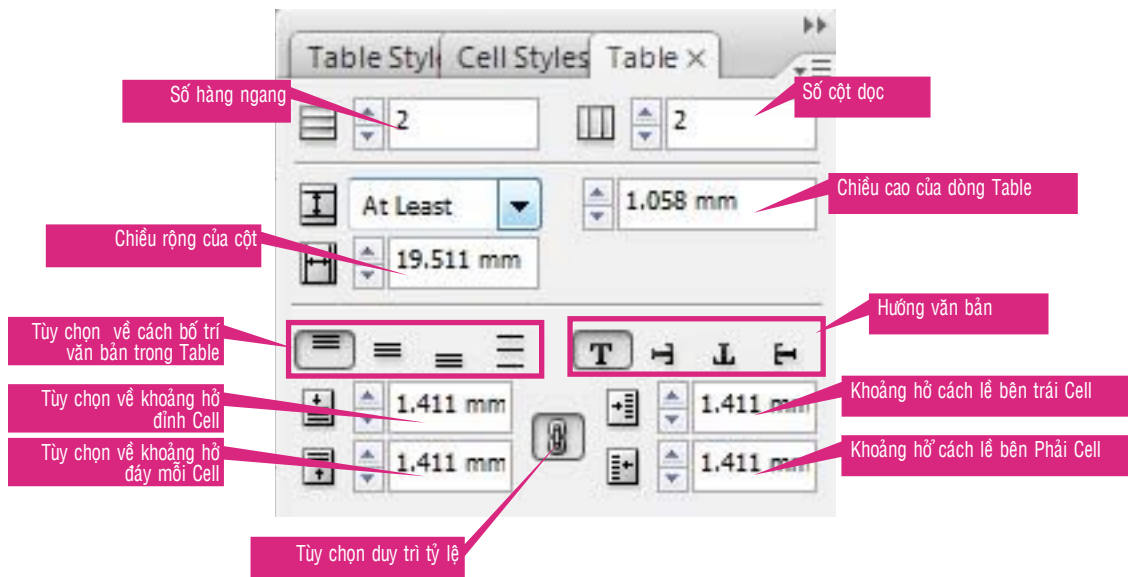
### A- Định dạng kích thước dòng và cột

Muốn định dạng hàng và cột của Table ta vào **Menu Table** chọn **Cell Option** rồi chọn **Rows and Columns**. Nếu muốn chỉnh sửa lại kích thước của hàng và cột mà không cần xác định kích thước chính xác ta có thể dùng công cụ **T**, rồi giữ chuột để kéo biên của hàng và cột, chú ý ta phải nhấn thêm phím **Shift** để không làm thay đổi kích thước của Table.

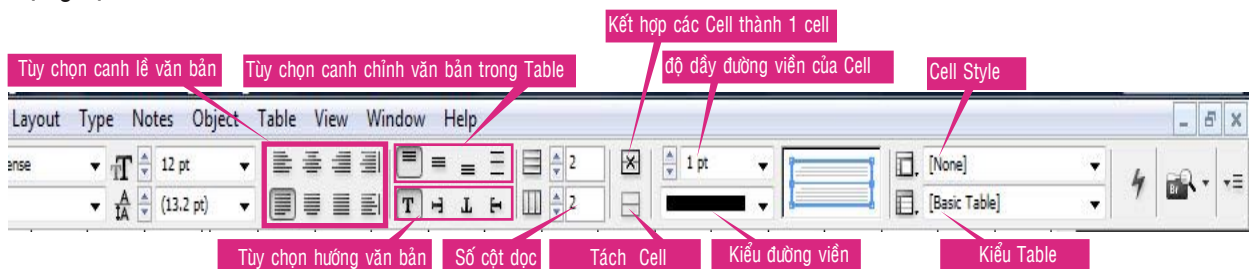


Bên cạnh đó ta cũng có thể định dạng lại Table bằng Table Palette, bằng cách vào **Menu Window** chọn **Type & Table > Table (Shift + F9)**.

Sau đó dùng công cụ văn bản **T**, và định dạng lại Table bằng cách thay đổi thông số trên Table.



Ta cũng có thể định dạng Table bằng Control Palette bằng cách dùng công cụ text Tool đánh dấu chọn hàng và cột cần định dạng lại sau đó chọn các tùy chọn tương ứng để định dạng lại Table.



## B- Định dạng các hàng và cột có kích thước bằng nhau

Muốn định dạng các hàng có chiều cao bằng nhau ta chọn công cụ văn bản **T**, rồi kéo chuột để chọn các hàng có chiều cao cần bằng nhau sau đó vào **Menu Table > Distribute Rows Evenly**.

Muốn định dạng các cột có chiều rộng bằng nhau ta chọn công cụ văn bản **T**, rồi kéo chuột để chọn các cột có chiều rộng cần bằng nhau sau đó vào **Menu Table > Distribute Columns Evenly**.

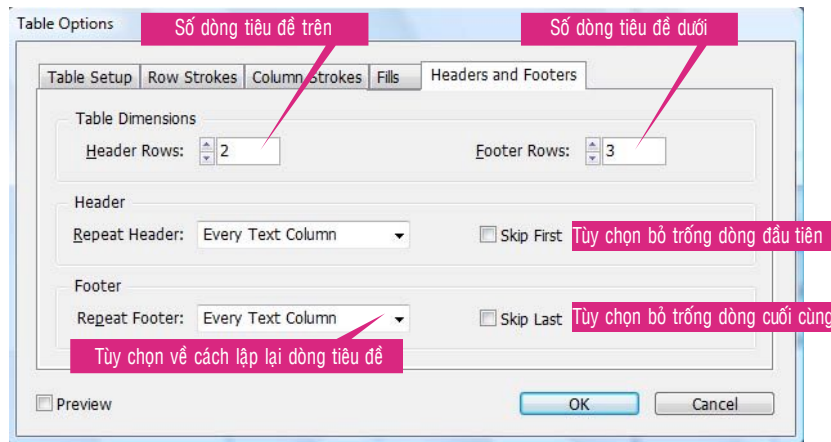
## C- Chuyển dòng văn bản bình thường thành tiêu đề

Muốn dòng văn bản bình thường thành tiêu đề ta chọn dòng văn bản cần chuyển rồi vào **Menu Table > Convert Rows > To Header** hay To Footer.

Muốn chuyển dòng tiêu đề về văn bản bình thường ta chọn dòng tiêu đề cần chuyển rồi vào **Menu Table > Convert Rows > To Body**

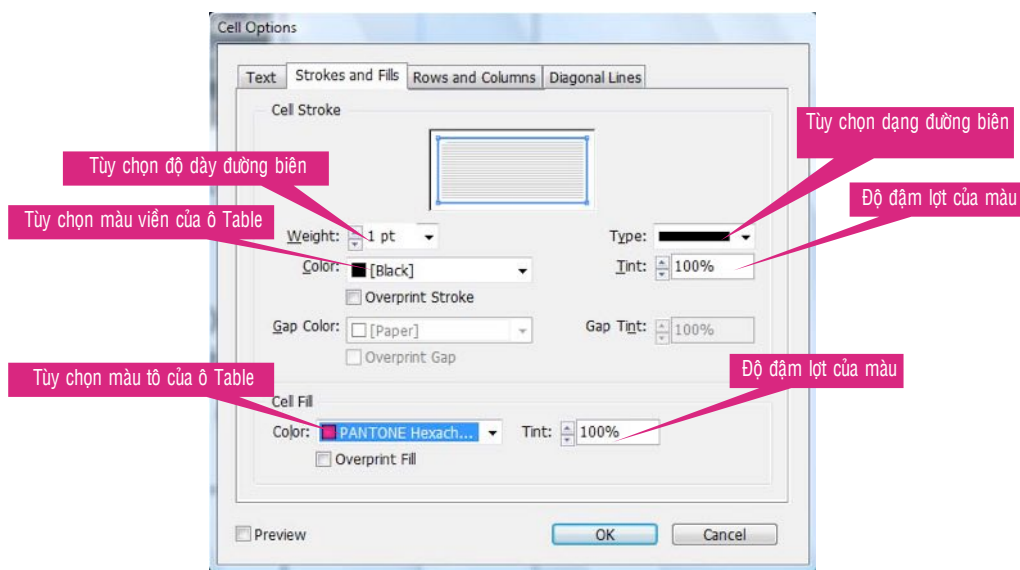
## D- Thiết lập tiêu đề cho Table

Để thiết lập tiêu đề cho Table ta vào **Menu Table > Table Option > Headers and Footers**



## E- Thiết lập màu tô và viền cho Table

Để thiết lập màu tô và màu viền cho Table ta vào **Menu Table > Cell Option > Stroke & Fills...** và chọn các tùy chọn tương ứng.



Hoặc ta cũng có thể dùng công cụ Text Tool **T** chọn ô cần tô màu sau đó chọn màu tô hay màu viền trên color Palette rồi tô, hay ta cũng có thể tô trực tiếp từ mẫu màu trong Swatches.

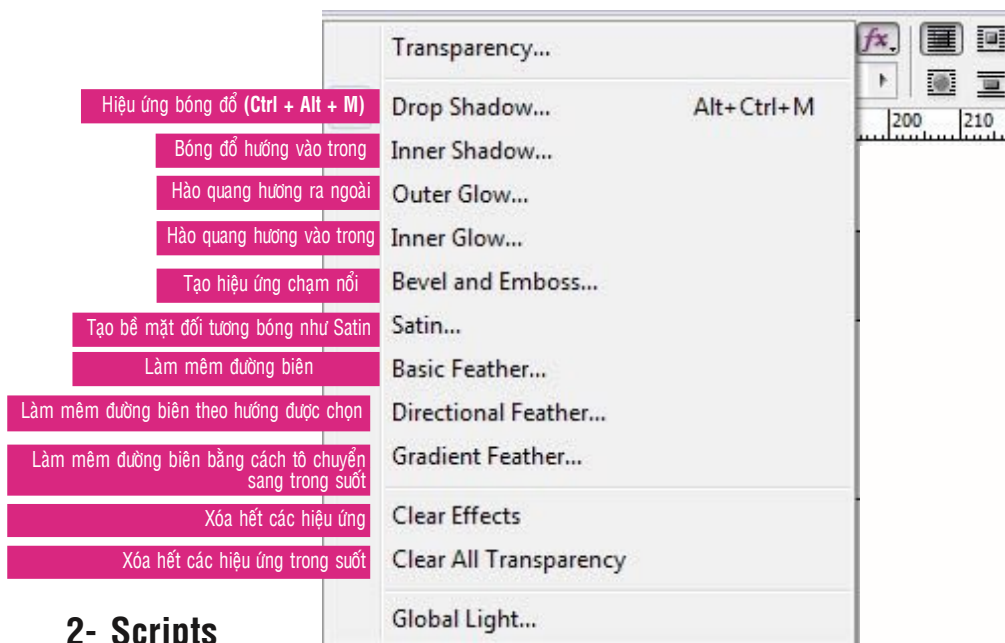
# HIỆU ỨNG (EFFECT) & SCRIPTS

## 1- Hiệu ứng

Trong Indesign CS3 ta có thể áp dụng một số hiệu ứng cho đối tượng như bóng đổ, hào quang phát sáng, tạo hiệu ứng chạm nổi...Tuy nhiên trong in ấn chúng ta hạn chế dùng hiệu ứng trên nền trang có màu.

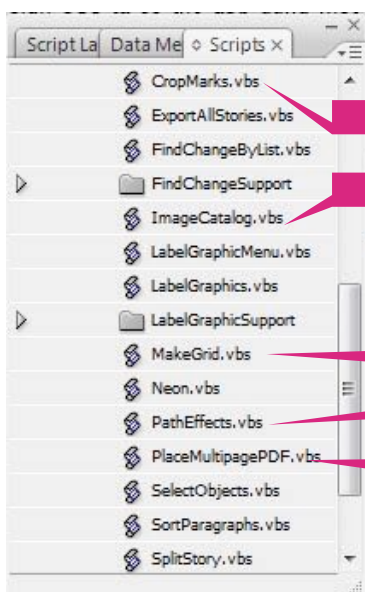
Ta có thể sử dụng hiệu ứng bằng nhiều cách như vào Menu Object chọn lệnh Effect hay chọn trực tiếp lệnh Effect trên thanh Control hoặc trong Effect Palette...

Nếu đã học qua Adobe Photoshop hoặc Adobe Illustrator thì chúng ta sẽ thấy rằng trong Adobe Indesign cũng tương tự như vậy.



## 2- Scripts

Indesign CS3 bổ sung một số Scripts nhằm tối ưu hóa một số công việc cho công việc Layout như tạo bon cắt, tạo Catalogue hình ảnh từ thư mục hình....bên cạnh đó cũng có một số Scripts của các hãng phần mềm khác viết để bổ sung cho Indesign như Scripts tạo lịch trong Indesign.



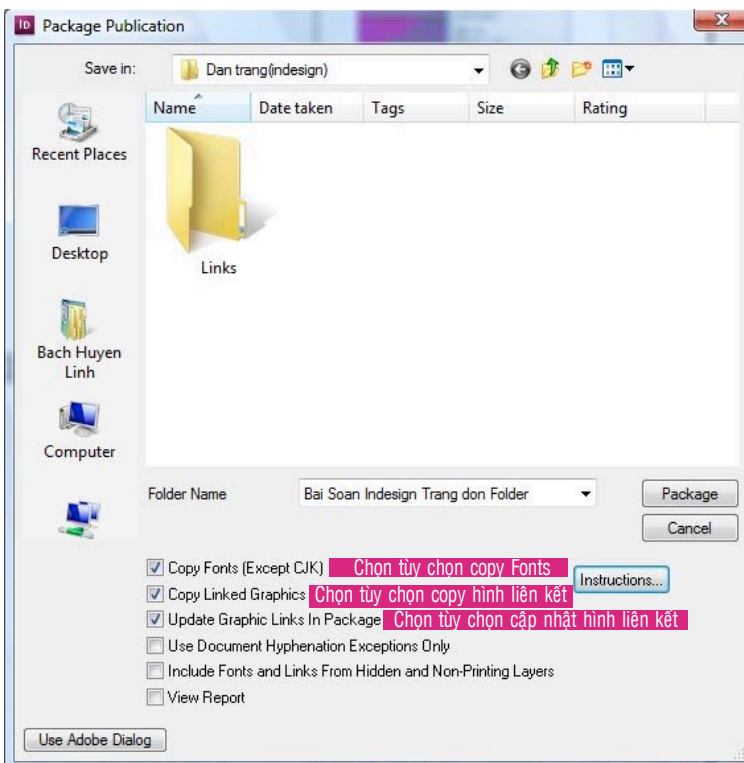
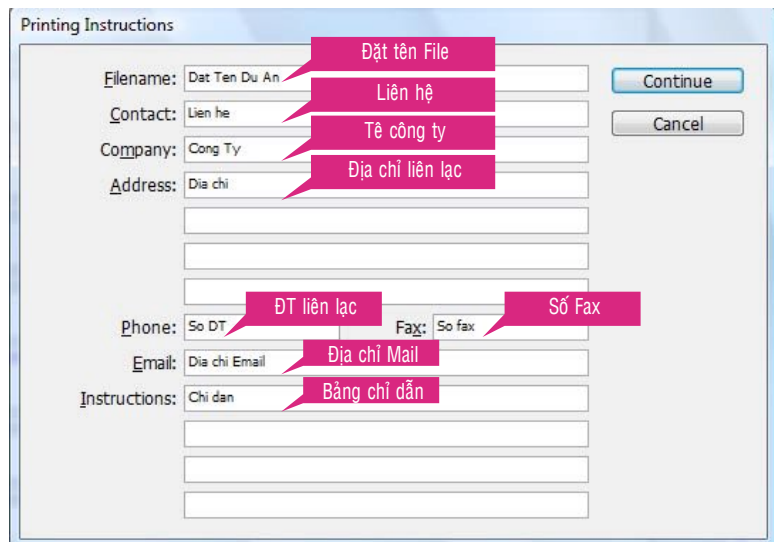
Muốn sử dụng Scripts ta vào Menu Window chọn Automation chọn lệnh **Scripts (Alt + Ctrl + F11)**.

# ĐÓNG GÓI (PACKAGE) & XUẤT FILE SANG PDF

## 1- Đóng gói

Trong quá trình Layout có thể chúng ta Place hình từ nhiều thư mục khác nhau trong máy vi tính của mình, trong đó có thể có một số hình ảnh không được sử dụng trong dự án Layout, Việc đóng gói nhằm mục đích gom tất cả các dữ liệu phục vụ cho dự án Layout kể cả các Fonts chữ sử dụng cho dự án vào trong cùng một thư mục điều này đảm bảo file mà ta chép đi không bị mất liên kết với các hình ảnh được sử dụng.

Bảng chỉ dẫn nhằm ghi thông tin cần thiết như tên file, tên công ty, số Điện thoại liên lạc, địa chỉ E-Mail...nhằm trong trường hợp cần thiết hoặc khẩn cấp nhà in có thể liên lạc với người chịu trách nhiệm để xác nhận thông tin như lỗi font chữ, lỗi hình...nhằm đảm bảo việc xuất film và in ấn đạt kết quả nhanh nhất.



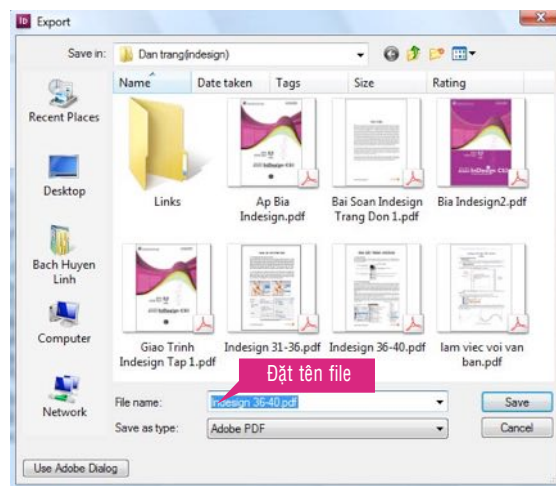
Trong bảng Package Publication tiếp theo chúng ta cần đánh dấu kiểm vào ba tùy chọn đầu tiên nhằm chép theo các fonts sử dụng cho việc layout và các hình ảnh đồ họa cũng như việc cập nhật những hình ảnh mà ta đã có sự chỉnh sửa sau khi đã Place vào dự án Layout trong Indesign.

## 2- Xuất file sang PDF

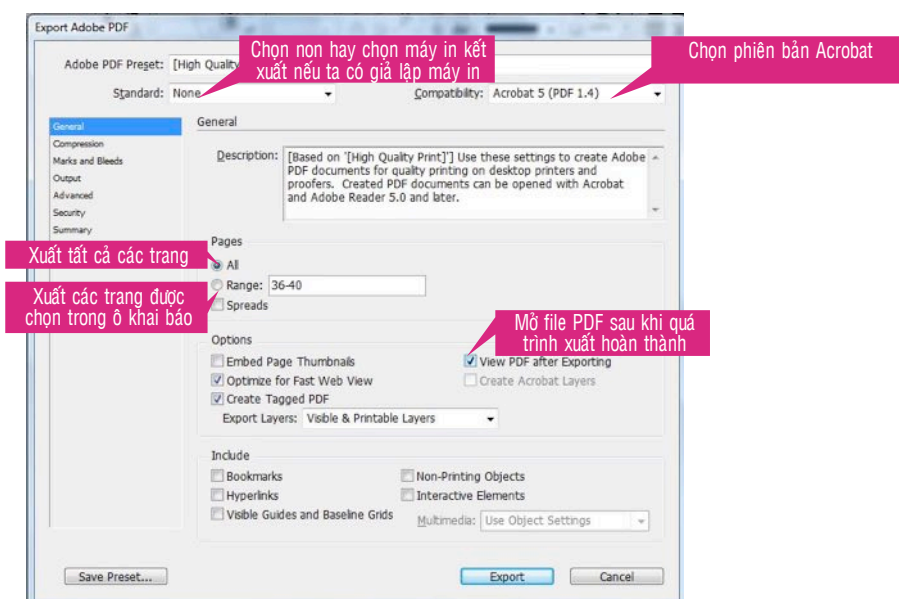
QuarkXpress, Adobe Indesign...là những chương trình dùng để dàn trang (layout), tức là trình bày các trang theo thứ tự từ đầu đến cuối. Tuy nhiên trong in ấn thứ tự sắp xếp lại phụ thuộc vào tay sách, ví dụ trong trang đôi xếp tay 16 thì trang 1 đi với trang 32, trang 2 đi với trang 31 chứ không phải trang 1 đi với trang 2 trang 3 đi với trang 4 như khi chúng ta trình bày. Do đó người ta phải bình phim nghĩa là trình bày sắp xếp các trang mà ta Layout trên trang in theo khổ in của nhà in (khổ giấy thông thường là 65cm x 84cm và 79cm x 109cm) và chụp phim theo hệ thống xếp tay như trên. Do đó người ta phải xuất dữ liệu layout từ Indesign hay QuarkXpress sang một định dạng chuẩn mà phần mềm bình phim có thể biên tập được, định dạng thông dụng và tiện lợi nhất là \*PDF để từ đó người ta có thể dùng các phần mềm bình phim như Scenisoft Prep, SignaStation, hay dùng một Plug-in bổ sung cho Adobe Acrobat Professional là Quite Imposing để bình phim.

Để xuất dữ liệu layout sang định dạng PDF ta có thể xuất file Indd của Adobe Indesign sang định dạng PS (PostScript) rồi dùng Acrobat Distiller để biên dịch sang định dạng PDF, hay xuất trực tiếp sang định dạng PDF.

Muốn xuất dữ liệu Layout từ Indesign trực tiếp sang định dạng Pdf ta vào Menu File chọn lệnh Export (Ctrl + E), sau đó đặt tên file rồi thiết lập một số tùy chọn như sau.

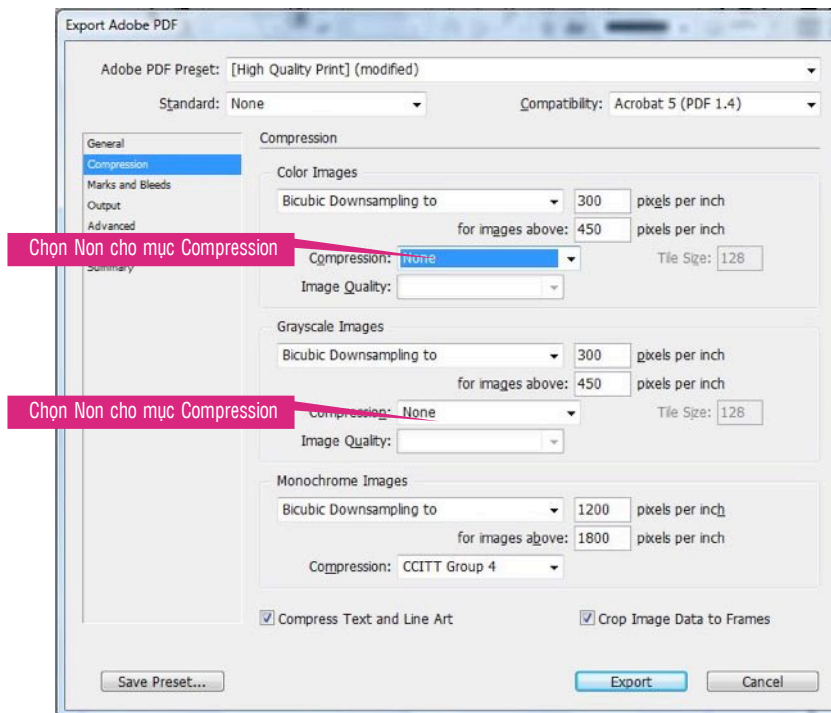


Trong mục General ta chọn các tùy chọn sau





Trong mục **Compression** ta chọn **chọn Non** cho tất cả các mục có chữ Compression để hủy bỏ tùy chọn nén file làm giảm chất lượng



Trong mục **Marks and Bleeds** ta chọn **Crop Marks** nếu muốn tạo dấu bon cắt cho file

